Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản Cáo Bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước ngày.... tháng.... năm 2020

Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo Bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH
(ABBF)

Giấy chứng nhận thành lập Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng số ...151...../GCN-UBCK do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày ...21/07/2020

Quỹ đầu tư dạng mở

Ngày đăng ký Bản Cáo Bạch với UBCKNN: 27 / 07 /2020

Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo Bạch kể từ ngày: 27 / 07 /2020

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Lê Việt Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Bình

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3562 6246 Fax: (84.4) 3562 6249

Email: info@abf.com.vn

Website: www.abf.com.vn

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

- Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình
- Đại lý phân phối: Công ty cổ phần Chứng khoán An Bình – Phòng Giao Dịch Láng Hạ

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 4
1. Công Ty Quản Lý Quỹ 4
2. Ngân Hàng Giám Sát 4
II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA 4
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 7
1. Tình Hình Kinh Tế Vĩ Mô Tại Việt Nam 2019 8
2. Triển Vọng Kinh Tế Vĩ Mô Tại Việt Nam 2020 11
3. Thị Trường Trái Phiếu Và Cơ Hội Đầu Tư 12
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ 12
1. Thông Tin Về Công Ty Quản Lý Quỹ 12
1.1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình 13
1.2. Ban Điều Hành của ABF 14
1.3. Ban Điều Hành Quỹ 15
1.4. Thành viên Hội đồng Quản Trị ABF 15
V. Ngân Hàng Giám Sát và Lưu Ký 15
VI. Công Ty Kiểm Toán 16
VII. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ 16
VIII. Tổ Chức Được Ủy Quyền 16
1. Đại Lý Chuyển Nhượng 16
2. Quản Trị Quỹ 16
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ 16
1. Thông tin chung về Quỹ 16
2. Điều lệ Quỹ tóm tắt 17
2.1. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư 17
2.2. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ 18
2.3. Các loại dịch vụ và chi phí 27
2.4. Phương pháp Định giá tài sản 29
2.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế 34
2.6. Đại hội nhà đầu tư 35
2.7. Ban đại diện Quỹ (Dự kiến) 35
2.8. Công ty Quản lý Quỹ 36
2.9. Ngân hàng Giám sát 36
2.10. Các quy định khác trong Điều lệ Quỹ ABBF 37
3. CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ 37
3.1 Rủi Ro Tín Dụng 37
3.2 Rủi Ro Thị Trường 38
3.3 Rủi Ro Thanh Khoản Của Khoản Đầu Tư 39
3.4 Rủi Ro Tái Đầu Tư 40
3.5 Rủi Ro Thanh Khoản Của Quỹ 40
3.6 Rủi Ro Pháp Lý 40
3.7 Rủi Ro Bất Thường 41
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO 41
1. Cơ Sở Pháp Lý 41

2. Thông Tin Về Đợt Phát Hành Lần Đầu Ra Công Chúng 42
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 43
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 43
XIII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 43
1. Báo Cáo Cho Nhà Đầu Tư 43
2. Báo Cáo Quỹ 43
3. Báo Cáo Bất Thường 44
4. Gửi Báo Cáo 44
XIV. THÔNG TIN LIÊN LẠC 44
XV. CAM KẾT 44
XVI. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 44
Phụ lục 1: Danh sách địa điểm phân phối và nhận bản cáo bạch 44
Phụ lục 2: Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ 44
Phụ lục 3: Phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ 44
Phụ lục 4: Dự thảo Điều lệ Quỹ 44

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình

Ông Lê Việt Hà	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Bà Võ Anh Tú	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nam	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Bà Phùng Thị Minh Thu	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Người đại diện: Bà Ngô Thị Thu Cúc

Chức vụ: Phó giám đốc - Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ngân hàng giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do ngân hàng cung cấp.

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình, trách nhiệm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Ngân hàng") được quy định theo quy định của pháp luật có liên quan và trong các hợp đồng cung cấp dịch vụ có liên quan giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do ABF lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ABF cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản Cáo Bạch này:

"AML"	nghĩa là phòng chống rửa tiền.
"Bản Cáo Bạch"	là tài liệu này, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi ABF, cung cấp chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về quỹ ABBF và các thông tin liên quan đến việc phát hành và giao dịch chứng chỉ quỹ ABBF.
"Ban Đại Diện Quỹ"	là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
"Chứng Chỉ Quỹ"	là chứng khoán do ABF đại diện Quỹ ABBF phát hành dưới dạng bút toán, đã được thanh toán đầy đủ và là bằng chứng về quyền hợp pháp của Nhà đầu tư với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Nhà đầu tư nắm giữ.
"Cổ Tức của Quỹ"	có nghĩa là khoản lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Công Ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình"	công ty được thành lập theo giấy phép hoạt động số 12/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung.

"Công Ty Quản lý Quỹ"	có nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình ("ABF"), được thành lập theo giấy phép hoạt động số 12/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình.
"Công ty Kiểm toán"	có nghĩa là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
"Đại Lý Chuyển Nhượng"	là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam như mô tả tại Mục VIII.1 của Bản Cáo Bạch này do Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền quản lý Sổ Đăng ký của Quỹ
"Đại Lý Phân Phối"	có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ, được nêu rõ tại Bản Cáo Bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
"Đại Lý Ký Danh"	có nghĩa là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường.
"Điểm Nhận Lệnh"	là trụ sở chính của Đại lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư như quy định tại Mục VII và Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch
"Điều Lệ"	là bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu An Bình, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Đơn Đăng Ký"	là đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu hoặc cho các lần giao dịch tiếp theo.
"Đơn Vị Quỹ" hay "Đơn Vị"	là đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu có một quyền biểu quyết. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và sở hữu vốn như nhau của Quỹ.
"DPP"	là Lựa chọn Nhận cổ tức bằng tiền được mô tả chi tiết tại Mục IX.2.5.1 của Bản Cáo Bạch này.
"DRIP"	là lựa chọn Tái đầu tư cổ tức được mô tả chi tiết tại Mục IX.2.5.1 của Bản Cáo Bạch này.
"FATCA"	là Đạo luật Tuân thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Mỹ ngày 10/3/2010 và có hiệu lực ngày 01/7/2014.
"Giá bán"	là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn Vị Quỹ. Giá bán bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành.
"Giá mua lại"	là mức giá mà Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn Vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Bản Cáo Bạch này.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"HNX"	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

"HSX"	là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Giá Trị Tài Sản Ròng" hay "NAV"	được tính bằng tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
"IPO"	là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
"KYC"	là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
"Lệnh Bán"	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư sở hữu.
"Lệnh Bán Được Chấp Nhận"	là lệnh bán của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
"Lệnh Chuyển Đổi Quỹ"	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
"Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
"Lệnh Chuyển Nhượng"	là lệnh của Nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển nhượng của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện.
"Lệnh Mua"	là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
"Lệnh Mua Được Chấp Nhận"	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
"Lệnh Được Chấp Nhận"	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận.
"Năm Tài Chính"	là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 03 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi chứng chỉ Quỹ.
"Người có Liên quan"	Có nghĩa là khái niệm "người có liên quan" được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006.
"Ngày Làm Việc"	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
"Ngày Định Giá"	là ngày NAV của Quỹ được xác định như quy định tại Mục IX.2.4.2 của Bản Cáo Bạch này.

"Ngày Giao Dịch"	là Ngày Làm Việc mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ, đại diện cho Quỹ, phát hành, mua lại, chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ như được định nghĩa tại Mục IX.2.2.1 của Bản Cáo Bạch
"Ngân hàng Giám sát"	có nghĩa là Ngân hàng như mô tả tại Mục V của Bản Cáo Bạch này, cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.
"Nhà Đầu Tư"	là cá nhân hoặc tổ chức được đăng ký trong sổ Đăng Ký.
"Quỹ"	là Quỹ Đầu tư Trái Phiếu An Bình (ABBF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.
"Ngày Chốt Danh Sách"	là ngày mà các Nhà đầu tư được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
"Sổ Đăng Ký"	là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi Nhà đầu tư.
"SIP"	là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư hàng tháng vào Quỹ như được mô tả chi tiết ở Mục IX.2.2.10 của Bản Cáo Bạch này.
"SSC" hay "UBCKNN"	có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Thời Điểm Đóng sổ Lệnh"	là thời điểm mà trước thời điểm đó các lệnh giao dịch nhận được có thể được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại Mục IX.2.2.2 của Bản Cáo Bạch này.
"Vốn Điều lệ Quỹ"	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
Các Định Nghĩa Khác	các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Bản Cáo Bạch này.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Quỹ mở cung cấp một công cụ đầu tư bổ sung cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam trong quản lý tài sản cá nhân, ngoài các loại tài sản truyền thống như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản hay vàng. Đầu tư vào quỹ mở có một số ưu điểm so với đầu tư vào từng loại chứng khoán riêng lẻ do quỹ mở có các đặc điểm sau:

- *Tính chất dài hạn:* Do có tính ổn định và an toàn của lợi suất từ hoạt động đầu tư vào các trái phiếu có kỳ hạn linh hoạt và đa dạng. Trong khi thời hạn quỹ là không giới hạn, các tài sản do quỹ nắm giữ rủi ro thấp.
- *Quản lý chuyên nghiệp:* Quỹ mở cho phép nhà đầu tư thường xuyên tiếp cận với các nhà quản lý quỹ chuyên nghiệp và những người có kinh nghiệm, chuyên môn và có nguồn lực để chủ động mua, bán và theo dõi khoản đầu tư cho nhà đầu tư.
- *Kỳ hạn mở:* Chứng chỉ quỹ mở trái phiếu không bị áp đặt kỳ hạn như tiền gửi do đó các nhà đầu tư sẽ linh hoạt về kỳ hạn hơn rất nhiều so với gửi tiền tại ngân hàng. Đặc biệt sẽ tránh được việc phải chịu lãi suất thấp (hoặc lãi suất không kỳ hạn) khi muốn rút tiền trước kỳ hạn như tiền gửi ngân hàng.
- *Linh hoạt:* Trong định hướng ABF sẽ tiếp tục phát triển thêm các quỹ mở khác với các định hướng, chiến lược và khẩu vị rủi ro khác nhau phù hợp với nhiều nhà đầu tư, do đó nhà đầu tư có thể đầu tư vào một số quỹ mở phù hợp nhất với mục tiêu đầu tư cụ thể của nhà đầu tư, nhưng cũng có nghĩa là nhà đầu tư có thể chuyển sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư của nhà đầu tư thay đổi. Chuyển đổi từ một quỹ sang quỹ khác thuộc cùng nhóm gia đình quỹ được miễn phí hoặc phí rất thấp.
- *Phù hợp với khả năng chi trả:* Khoản đầu tư ban đầu vào hầu hết các quỹ mở đều hợp lý và các khoản đầu tư tối thiểu tiếp theo thường nhỏ.
- *Thanh khoản:* Trong trường hợp khẩn cấp nhà đầu tư cần sử dụng tiền từ kế hoạch tiết kiệm dài hạn của

mình, việc rút một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư cũng rất dễ dàng, thường chỉ trong vòng 01 (một) tuần. Tất nhiên, các việc khẩn cấp thường không dự đoán được trước và vì vậy giá trị của Đơn Vị Quỹ mà nhà đầu tư phải bán có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền gốc mà nhà đầu tư đã đầu tư và chi phí để bán khoản đầu tư cũng có thể cao hơn dự kiến.

- *Đa dạng:* Danh mục đầu tư của quỹ mở thường bao gồm một số chứng khoán có hệ số tương quan về biến động lợi nhuận thấp. Ví dụ, một danh mục đầu tư cổ phiếu đa dạng thường nắm giữ cổ phiếu của các công ty thuộc các ngành khác nhau. Sự đa dạng có thể giúp giảm rủi ro tài chính tiềm tàng vốn có trong đầu tư. Nếu một khoản đầu tư giảm giá, khoản đầu tư khác trong danh mục có thể lại tăng giá.

Mỗi quỹ mở có tính chất rủi ro riêng, được xác định bởi các loại chứng khoán mà quỹ đó đầu tư vào. Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ phù hợp cho các nhà đầu tư mong muốn bảo toàn vốn và có thu nhập cố định. Các quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ khác nhau về tỷ trọng trái phiếu chính phủ (lợi suất thấp hơn) và trái phiếu doanh nghiệp (lợi suất cao hơn) nhưng chứa đựng rủi ro mất khả năng thanh toán của các tổ chức phát hành.

Hình 1: Các hình thức quỹ mở

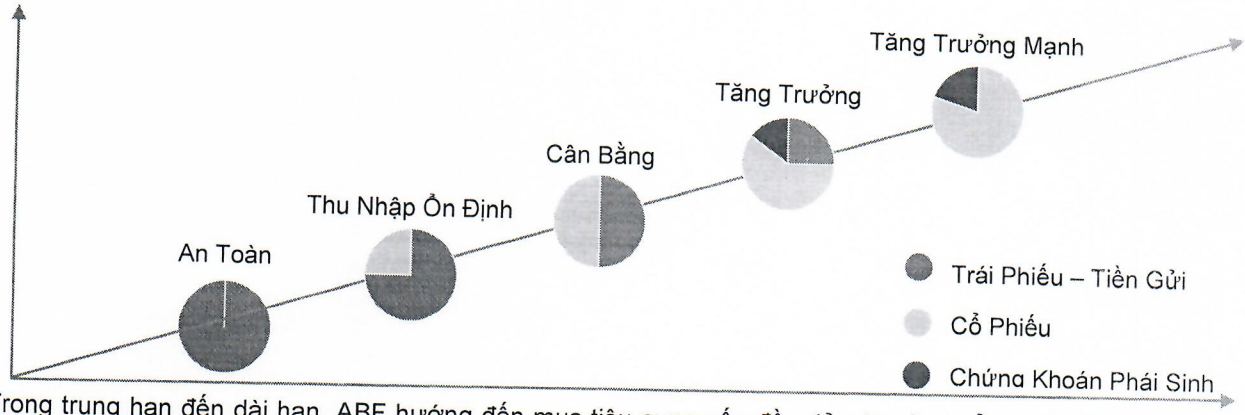

Trong trung hạn đến dài hạn, ABF hướng đến mục tiêu cung cấp đầy đủ các sản phẩm quỹ mở với các đặc điểm lợi nhuận kỳ vọng/rủi ro khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các nhóm nhà đầu tư khác nhau, phục vụ các mục đích phân bổ tài sản khác nhau của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư có các mục tiêu đầu tư khác nhau với khoảng thời gian đầu tư để đạt được các mục tiêu đó khác nhau. Các mục tiêu tiết kiệm dài hạn phổ biến là cho hưu trí, chi phí giáo dục, mua nhà để ở hoặc các tài sản cố định khác như ô tô, xe máy, hoặc cho các mục tiêu khác. Các mục tiêu này sẽ thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà đầu tư vì một số mục tiêu đã đạt được và được thay thế bởi các mục tiêu khác. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư thông thường cũng sẽ thay đổi theo thời gian, với khả năng chấp nhận rủi ro giảm xuống khi tuổi nghỉ hưu đến gần. Các chuyên gia tư vấn tài chính và các chuyên gia tư vấn về quản lý tài sản có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc xác định kế hoạch tiết kiệm lâu dài của nhà đầu tư. Để việc đầu tư dài hạn vào Quỹ mở được thành công, các nhà đầu tư cần phải đánh giá, xác định kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình và lựa chọn một hoặc nhiều Quỹ mở phù hợp nhất để có thể đáp ứng các mục tiêu riêng của nhà đầu tư với các mức rủi ro chấp nhận được.

Với các nhà đầu tư tổ chức, quỹ mở cung cấp bổ sung một công cụ đầu tư cho các chiến lược phân bổ tài sản và đa dạng hoá tài sản đầu tư cũng như công cụ đầu tư cho các chương trình hưu trí bổ sung cho nhân viên của công ty.

Cập Nhật Tình Hình Kinh Tế Vĩ Mô

1. Tình Hình Kinh Tế Vĩ Mô Tại Việt Nam 2019

Những tác động trực tiếp từ nền kinh tế thế giới tới nền kinh tế Việt Nam:

- Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang gây nhiều tác động chung tới nền kinh tế toàn cầu và cũng đang ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên song song cạnh đó là những tác động tích cực mở ra những cơ hội cho xuất khẩu những mặt hàng thay thế của Việt Nam sang thị trường Mỹ và Trung Quốc khi 2 quốc gia này liên tục áp thuế cao lên các mặt hàng xuất khẩu của nhau.

- Chiếm 70% giá trị giao dịch thương mại toàn cầu, châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực tập trung cao nhất hoạt động hợp tác phát triển, liên kết kinh tế quốc tế không chỉ với những thiết chế như CPTPP, RCEP, IPS hay BRI... Các tiến trình liên kết ở khu vực, nhất là liên kết kinh tế và an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục được đẩy mạnh với những hình thức khác nhau.
- Căng thẳng trong tiến trình Brexit của Anh đang đẩy quốc gia này đứng trước nguy cơ suy thoái kinh tế nếu không đạt được thỏa thuận đặt ra giữa Anh và EU. Bên cạnh đó, Khối liên minh này cũng sẽ phải chịu những tác động to lớn lên kinh tế khi Anh là một trong ba đối tác thương mại lớn nhất EU và tác động này mang tính toàn cầu và ảnh hưởng ít nhiều tới kinh tế Việt Nam nói riêng.

Kinh tế vĩ mô Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2019

Trong năm 2019, GDP vẫn tăng trưởng mức cao 7.02%, cao hơn mức tăng chung của một số nền kinh tế trong khu vực và vượt chỉ tiêu Quốc hội giao trong khoảng 6.6 – 6.8% qua đó tiếp tục đánh dấu bước ngoặt và khẳng định vị thế của mình. Góp phần chính cho sự tăng trưởng này đến từ các nguồn lực:

(1) Xuất siêu ở mức cao
(2) Đầu tư toàn xã hội tăng mạnh
(3) Chi tiêu Chính phủ tăng
(4) Khối Công nghiệp và Ngân hàng tăng trưởng cao
(5) Lạm phát duy trì ở mức kiểm soát
(6) Nguồn FDI tăng mạnh và giải ngân tích cực

Tăng trưởng GDP một số nước khu vực

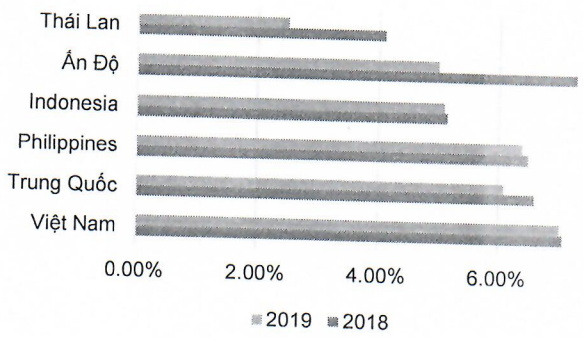

Việc kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá, thắt chặt tín dụng của Chính phủ đã giúp nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019 không có nhiều biến động tiêu cực, là bước đệm cho tăng trưởng mạnh của một số ngành như Bất động sản, Ngân hàng, Dệt may, Chế biến chế tạo, và đa số các ngành Sản xuất Công nghiệp khác...

Những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản

CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2019
Tăng trưởng GDP	%	7.08	7.02
Tăng trưởng SXCN (IIP)	%	10.20	8.86
Lạm phát (CPI)	%	3.54	2.79
Tăng trưởng tín dụng	%	16	12.1
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	%	33.5	33
FDI giải ngân	Tỷ USD	19.10	20.40
Thặng dư thương mại	Tỷ USD	7.21	9.94
Thâm hụt NSNN	%GDP	-3.6	-3.4

Những điểm nhấn cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019

- Tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 263.5 tỷ USD và 253.5 tỷ USD, thặng dư thương mại gần 10 tỷ USD;
- Lạm phát giảm và duy trì ở mức 2.8%;
- Vốn FDI giải ngân cao hơn 2018 gần 7% đạt 20.4 tỷ USD;
- Đầu tư toàn xã hội đạt 89 tỷ USD ~ 33% GDP;
- Mặt bằng lãi suất huy động tăng 7.3%;
- Tỷ giá trung tâm điều hành ổn định;
- Nợ công giảm về mức 55% GDP;
- Thâm hụt NSNN thấp hơn mức dự toán, chỉ bằng 3.4% GDP;
- Số doanh nghiệp đăng ký và thành lập mới tăng gần 17% YoY.

Tăng trưởng GDP *(Nguồn: GSO)*

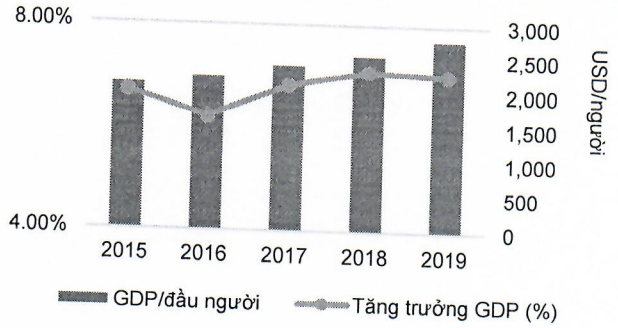

Lạm phát (CPI)

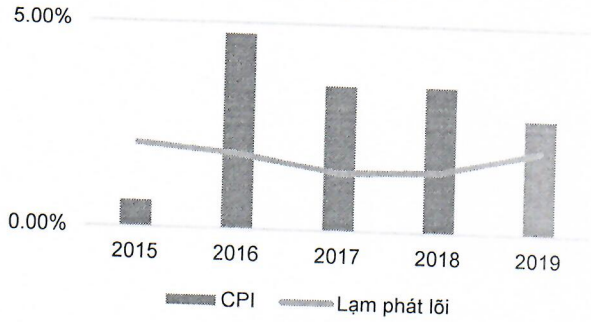

Lạm phát được kiểm soát ổn định trong năm 2019 ở mức thấp là 2.79% nhờ vào những chính sách của Chính phủ như: chính sách thắt chặt lạm phát ở mức dưới 4%; chính sách chống tham nhũng, giảm nợ công, hạn chế thâm hụt ngân sách; chính sách thắt chặt lãi suất cho vay ở mức dưới 7.5%...

Tình hình xuất khẩu trong nước cả năm 2019 ước tính đạt 264.19 tỷ USD, tăng 8.2% so với năm 2018, kim ngạch nhập khẩu đạt 253.07 tỷ USD, tăng 6.8%; như vậy trong cả năm 2019 Việt Nam đã xuất siêu kỷ lục và đạt thặng dư thương mại khoảng 11.12 tỷ USD. Hỗ trợ cho xuất siêu trong 2019 được đánh giá đến từ: tính hiệu quả của chính sách mở cửa kinh tế của Chính phủ; sự hỗ trợ mạnh mẽ của các FTA và một số lợi ích cơ hội từ cuộc CTTM Mỹ-Trung; sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối công nghiệp trong nước thông qua việc gia tăng của các đơn đặt hàng; cùng với sự ổn định trong điều hành và kiểm soát tỷ giá trung tâm...

Cán cân thương mại *(Nguồn: GSO)*

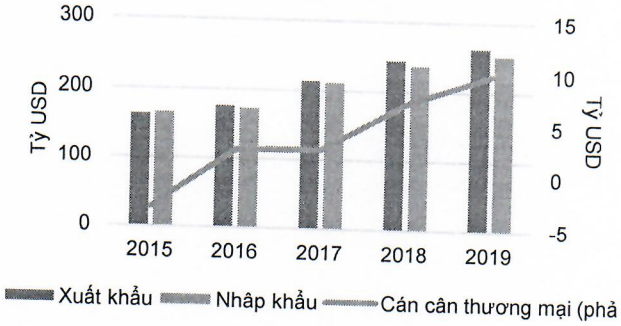

Tăng trưởng tín dụng

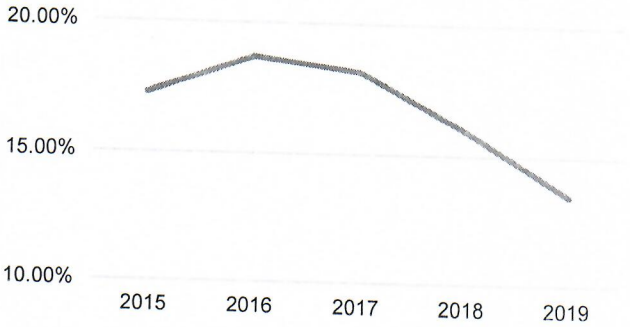

Tăng trưởng tín dụng trong năm 2018 đã thấp hơn năm 2017 và được thắt chặt hơn ở mức 14% do: chính sách thắt chặt, kiểm soát tín dụng của Chính phủ; sự phát triển của các kênh thị trường vốn làm hạn chế kênh tín dụng trong nước; các yếu tố hỗ trợ làm giảm tỷ lệ vay vốn ngắn hạn để cho vay dài hạn. Bên cạnh đó, tín dụng được tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo kiểm soát rủi ro và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng tín dụng trong năm 2019 ở mức thấp nhất 05 năm chỉ đạt 12.1%, cho thấy xu hướng thắt chặt cho vay trong năm nay so với năm trước.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài *(Nguồn: GSO)*

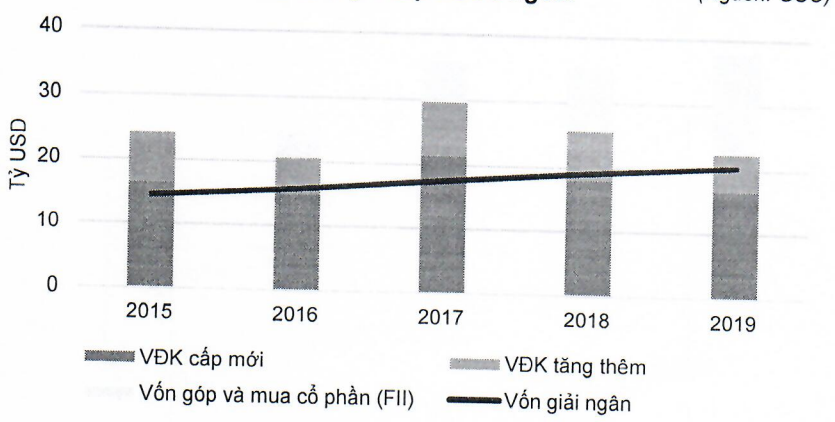

Tính đến cuối tháng 12/2019, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 20,38 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018.Tính lũy kế đến cuối tháng 12/2019, cả nước có 30.827 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 362,58 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 211,78 tỷ USD, bằng 58,4% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Hỗ trợ thu hút FDI được đánh giá đến từ hiệu năng cải thiện liên tục của nền kinh tế qua các năm cùng môi trường khá dồi dào về nguồn lao động giá rẻ trong khu vực.

Lãi suất cho vay và lãi suất huy động trong năm 2019 được điều hành khá ổn định trong khi đó tỷ giá USD có xu hướng tăng nhẹ trong năm nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Sự ổn định trong lãi suất và điều hành tỷ giá đến từ chính sách điều tiết của Chính phủ khi giảm cho vay đối với nông nghiệp của một số ngân hàng Nhà nước, khuyến khích cho vay đầu tư và phát triển, kích thích vay vốn sản xuất... Tỷ giá USD và CNY trung bình giảm nhẹ trong đầu năm 2019 so với trung bình năm 2018 có thể do sự biến động bất ổn thương mại từ cả 2 quốc gia này.

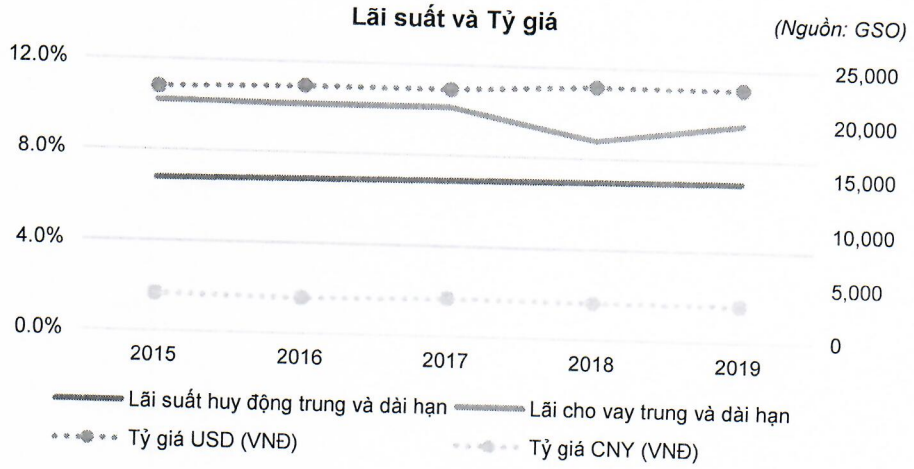

Tình hình nợ công trong năm 2019 cũng đã được Chính phủ kiểm soát chặt chẽ hơn mức 55% GDP trong năm 2018. Trong khi đó bội chi ngân sách nhà nước có xu hướng giảm và co hẹp dần qua các năm và kiểm soát ở mức 3.4% GDP trong năm 2018.

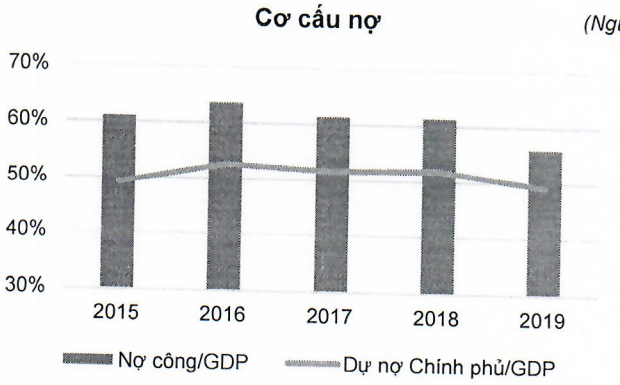

(Nguồn: GSO)

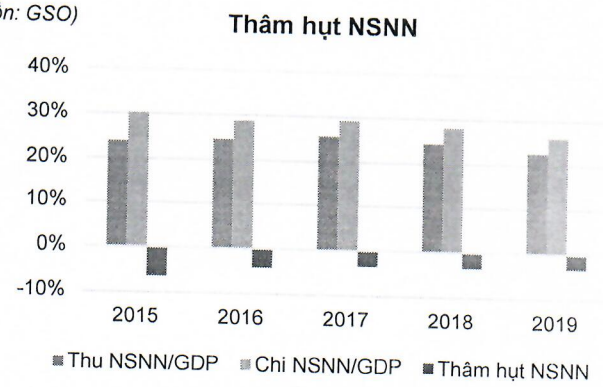

2. Triển Vọng Kinh Tế Vĩ Mô Tại Việt Nam 2020

Nền kinh tế Việt Nam sang năm 2020 đã được dự báo là vẫn tiếp tục phát triển khả quan nhưng có xu hướng chậm lại theo tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, trước tình hình phức tạp của Dịch Covid- 19 tác động trực tiếp tới tình hình kinh tế toàn cầu các dự báo trước đây đã bị giảm xuống. Mặc dù, Kinh tế Việt Nam có sự hỗ trợ từ các hiệp định FTA và nguồn FDI trong năm 2020 nhưng vẫn sẽ tăng trưởng chậm lại theo xu hướng chung của toàn thế giới do dịch Covid 19.

Một số chỉ tiêu dự báo cho tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam năm 2020 của Chính Phủ và các chuyên gia sau khi tính toán lại ảnh hưởng của Covid 19:

Chỉ tiêu kinh tế	2019	Dự báo 2020
Tăng trưởng GDP	7.02%	5.0%
CPI	2.79%	Dưới 4%
Tăng trưởng tín dụng	12.1%	12.5%

3. Thị Trường Trái Phiếu Và Cơ Hội Đầu Tư

Trong năm 2018, thị trường trái phiếu Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 5% mỗi quý và ước tăng khoảng 16% cả năm, đạt khoảng 60 tỷ đồng, trong đó thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) tăng trưởng 14,7%, vốn hóa đạt 27% GDP còn thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tăng trưởng trên 30%, vốn hóa đạt 7% GDP. Nếu như trước đó TPDN niêm yết chỉ có sự tham gia của một số doanh nghiệp như Vingroup, CII, HIFC... thì từ năm 2017, tổng cộng có thêm 19 trái phiếu với giá trị niêm yết 17.730 tỷ đồng được lên sàn, trong đó có cả những đơn vị chưa niêm yết cổ phiếu như Anco, TTC Edu...

Bước sang năm 2019, thị trường trái phiếu bằng đồng nội tệ của Việt Nam có sự gia tăng rất mạnh mẽ. Ước tính, trong năm 2019, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp so với GDP đạt mức hai con số lần đầu tiên sau nhiều năm. Chỉ tính trong 10 tháng đầu năm 2019, quy mô thị trường sau đã tăng 28% so với cuối năm trước và tương đương 10,47% GDP.

Quy mô TPCP

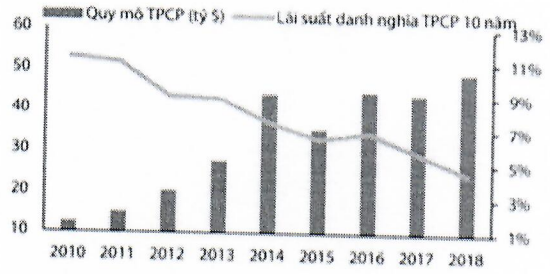

Quy mô TPDN

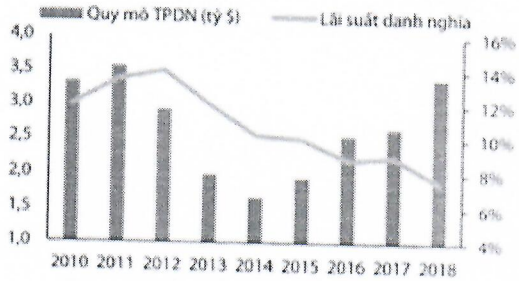

Không giống với các thị trường trái phiếu Đông Á mới nổi khác, thị trường nợ của Việt Nam không chịu tác động từ việc Mỹ thắt chặt chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, thị trường trái phiếu Việt Nam đã và đang bị ảnh hưởng gián tiếp từ đồng USD mạnh hơn so với hầu hết các đồng tiền khu vực.

Thị trường TPCP, TPDN và thị trường phái sinh năm 2019 phát triển mạnh mẽ hơn so với năm 2018 nhờ vào việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tái cơ cấu nhà đầu tư, hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống đấu thầu. Bên cạnh đó, thị trường tài chính Việt Nam sẽ có nhiều điểm sáng nhờ các yếu tố hỗ trợ tích cực từ bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, qua đó là động lực cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Việt Nam. Trong giai đoạn sắp tới việc thắt chặt phát hành riêng lẻ thông qua các quy định về Công bố thông tin sẽ thúc đẩy việc phát hành trái phiếu ra công chúng nhiều hơn và là tiền đề để các Quỹ mở Trái phiếu phát triển mạnh mẽ.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Thông Tin Về Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	12/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006
Trụ sở chính:	Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84.24) 35 626 246
Fax:	(84.24) 35 626 249

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt Hà

Vốn điều lệ: 120 (một trăm hai mươi) tỷ đồng

1.1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình

- CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Bình là một trong những công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập và hoạt động ngày 28/12/2006). ABF là đối tác tin cậy của nhiều tổ chức, doanh nghiệp uy tín tại thị trường đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2013, ABF đã vinh dự nhận giải thưởng Thương vụ M&A tiêu biểu năm 2012 -2013.
- ABF là một trong số các công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp phép cho đầy đủ tất cả các nghiệp vụ theo chức năng của một công ty quản lý quỹ.
- Trang thông tin điện tử của ABF: www.abf.com.vn
- Hiện nay ABF đang quản lý 01 Quỹ thành viên là Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình.
- Danh sách Cổ đông sáng lập của ABF:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	0100514947, thay đổi lần thứ 12, do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 08//02/2013	Số 36, Phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội	59.33%
2	Ngân hàng TMCP An Bình	0301412222, thay đổi lần thứ 21, do Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/04/2013	Số 170 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	6.67%
3	Ông Nguyễn Bá Thành	012063322 do CA TP. Hà Nội cấp ngày 22/03/2007	Số 3 hẻm 41/10/3, Hồng Hà, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	0.67%
4	Ông Lưu Đức Quang	0011668254 do CA TP. Hà Nội cấp ngày 22/03/2007	Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	5.00%
5	Ông Đào Mạnh Kháng	012073456 do CA TP. Hà Nội cấp ngày 09/07/2009	Số 17, ngõ 61, phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	25.00%
6	Ông Nguyễn Hoài Anh	0011796154 do CA TP. Hà Nội cấp ngày 02/11/2005	Số 28, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.33%

- Danh sách Cổ đông lớn của ABF thời điểm hiện tại:

Stt	*Cổ đông*	*Số CMND/ĐKKD*	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ sở hữu*
1	Ông Chu Văn Mân	151489952 do CA TP. Thái Bình cấp ngày 30/08/2009	Đông Quý, Tiền Hải, Thái Bình	49.025%
2	Ông Đào Mạnh Vương	013220320 do CA TP. Hà Nội cấp ngày 27/08/2009	Phòng 304, nhà N01, Khu 5.3 Ha, Phường Dịch Vọng, Cầu Giấy	48.50%

- Một số thông tin về tình hình hoạt động và tài chính của ABF 05 năm gần nhất như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
DT từ HĐKD	6,968,663,506	3,163,606,437	3,565,297,379	5,821,929,109	4,702,604,577
DT tài chính	5,140,958,716	9,021,192,818	9,174,169,657	16,072,936,315	4,957,244,712
Tổng DT từ HĐKD và DT tài chính	12,109,622,222	12,184,799,255	12,739,467,036	21,894,865,424	9,659,849,289
Lợi nhuận sau thuế	1,471,131,670	5,429,469,145	4,102,482,366	5,561,750,602	854,181,877
Tổng tài sản	16,840,718,925	120,848,412,137	125,097,319,309	131,705,629,159	131,299,256,643
Tỷ lệ vốn khả dụng	257.39%	237.67%	310.83%	206.81%	204.10%
ROE	1.28%	4.53%	3.31%	4.30%	0.66%
ROA	1.26%	4.49%	3.28%	4.22%	0.65%
Vốn chủ sở hữu	114,491,050,885	119,920,520,030	123,931,856,772	129,493,607,374	130,335,822,051

1.2. Ban Điều Hành của ABF

Ông Lê Việt Hà - *Tổng Giám Đốc*

Ông Lê Việt Hà có 15 năm kinh nghiệm tư vấn tái cấu trúc và xây dựng chiến lược hoạt động doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau: công nghiệp (xi măng, điện, giấy, hóa chất ...), tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán ...), xây dựng cơ sở hạ tầng (cảng, đường, ...), công nghệ thông tin, bất động sản ...

Cùng với hiểu biết sâu rộng về kinh tế quốc tế, ông Hà là nhà tư vấn chiến lược hàng đầu cho các doanh nghiệp, thực tế cho thấy các doanh nghiệp từng nhận được sự tư vấn của Ông Hà đều phát triển theo chiến lược và đạt được sự tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận, quy mô cũng như trở lên mạnh mẽ về khả năng tài chính. Ví dụ: Geleximco Group, CMC Group, Transmeco Group, Thanglong Cement, AnHoaPaper JSC ...

Ông Hà hiện là Tổng Giám đốc của CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF). Ông Hà là người đứng đầu và dẫn dắt đội ngũ tư vấn của ABF đạt tới nhiều thành công trong nhiều thương vụ lớn.

Bà Võ Anh Tú - *Phó Tổng Giám Đốc*

Bà Võ Anh Tú đã có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trước khi gia nhập đội ngũ Lãnh đạo ABF, bà Tú từng công tác tại CTCP chứng khoán Thăng Long, CTCP chứng khoán An Bình và CTCP chứng khoán VNDirect với vai trò là chuyên viên tư vấn đầu tư cao cấp bộ phận tài chính doanh nghiệp. Bà Tú cũng đã có 04 năm công tác tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), tham gia vào việc phân tích và đầu tư nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, dược phẩm, vật liệu xây dựng, bệnh viện, bảo hiểm, bất động sản, công nghệ... Với kiến thức sâu rộng về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, quản lý rủi ro và công cụ nợ, bà Tú chịu trách nhiệm đưa ra các báo cáo phân tích, nhận định và các quyết định liên quan đến mảng đầu tư của ABF.

Bà Tú tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và sau đó lấy bằng Thạc sĩ kinh doanh quốc tế, chuyên ngành tài chính tại trường Maastrict University, Hà Lan.

Ông Nguyễn Thành Nam - *Phó Tổng Giám Đốc*

Ông Nguyễn Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc của CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF) với 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại Việt Nam và trong phân tích đầu tư vào các ngành Tài chính ngân hàng, chứng khoán, Công nghệ thông tin, bất động sản, hóa chất. Ông Nam tốt nghiệp xuất sắc Cử nhân Kinh tế tại Đại học Ngoại Thương Hà Nội (2006) và sau đó tốt nghiệp thủ khoa Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, chuyên ngành tài chính tại Cao học Việt – Pháp (CFVG - 2010). Bên cạnh đó, ông Nam đã nhận chứng chỉ Thẩm định viên quốc gia về giá do Bộ tài chính cấp và

chứng chỉ CFA Charterholder từ năm 2016. Cùng nhóm tư vấn ABF, ông Nam đã tham gia tư vấn thành công nhiều dự án điển hình là thương vụ M&A giữa CTCP Xi măng Thăng Long và Công ty Semen Gresik.

1.3. Ban Điều Hành Quỹ

Bà Võ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Như mục 1.2

Ông Nguyễn Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc: Như mục 1.2

1.4. Thành viên Hội đồng Quản Trị ABF

Ông Lê Việt Hà

Chủ tịch HĐQT

- **Như mục 1.2**

Bà Đặng Thị Hồng Phương

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Cử nhân Tài chính

❖ **Kinh nghiệm làm việc**

- Trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, trong đó có 10 năm kinh nghiệm về lĩnh vực quản lý đầu tư.
- Từng giữ chức vụ Giám đốc Công ty Quản Lý Quỹ của Tập đoàn Bảo Việt; Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM); Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư của Tập đoàn Geleximco; Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ An Bình.
- Đã huy động thành công và quản lý quỹ thành viên lớn nhất thị trường với tổng tài sản xấp xỉ 1,700 tỷ VNĐ.
- Đã và đang là Thành viên Hội Đồng Quản Trị của nhiều công ty trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Ông Đào Mạnh Vương

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Cử nhân Tài chính- Kế toán

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Kinh nghiệm trải qua nhiều vị trí lãnh đạo ngành Ngân hàng và Quản lý Quỹ.
- Hiện là Phó Giám đốc Khối Tổng hợp kiêm Trưởng phòng mua sắm của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

V. Ngân Hàng Giám Sát và Lưu Ký

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Người đại diện: Bà Ngô Thị Thu Cúc
Chức vụ: Phó giám đốc - Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Ngân hàng giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do ngân hàng cung cấp. Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình, trách nhiệm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Ngân hàng") được quy định theo quy định của pháp luật có liên quan và trong các hợp đồng cung cấp dịch vụ có liên quan giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF), là công ty quản lý quỹ của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu An Bình và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

VI. Công Ty Kiểm Toán

Công ty Kiểm toán của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề cử và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với Quy định của Pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ nếu như được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền ít nhất hai (02) công ty kiểm toán cho Quỹ.

VII. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

Danh sách Đại lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới UBCK theo Quy định của Pháp luật. Danh sách các Đại lý Phân phối ban đầu dự kiến như sau:

1. **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán An Bình (ABF):**
   Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
2. **Công ty Cổ phần Chứng Khoán An Bình (ABS) – Phòng Giao Dịch Láng Hạ**
   Địa chỉ: 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được liệt kê ở Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch. Mọi thay đổi về danh sách Đại lý Phân Phối, Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trên website của ABF tại: https://www.abf.com.vn

VIII. Tổ Chức Được Ủy Quyền

1. Đại Lý Chuyển Nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39 747 123 Fax: (84.24) 39 747 120

Đăng ký kinh doanh số: 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ Tướng Chính Phủ

2. Quản Trị Quỹ

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp

Điện thoại: +84.243.9411840 Fax: +84.243.9411847

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

Tên Quỹ bằng Tiếng Việt:	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu An Bình
Tên Quỹ bằng Tiếng Anh:	An Binh Bond Fund
Tên viết tắt:	ABBF
Loại hình Quỹ:	Quỹ mở Trái phiếu
Địa chỉ liên hệ:	Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Giấy chứng nhận IPO:	151/GCN - UBCK cấp ngày 27/07/2020
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:	
Thời gian hoạt động	Vô thời hạn

2. Điều lệ Quỹ tóm tắt

2.1. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư

2.1.1.Mục Tiêu Đầu Tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều Lệ Quỹ và các Quy định khác của Pháp Luật

2.1.2.Chính Sách Đầu Tư

Pháp Luật hiện tại quy định quỹ mở có thể đầu tư vào các loại tài sản sau:

a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
b. Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
e. Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
f. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

2.1.3.Các Hạn Chế Đầu Tư

(1) Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành (theo Điều 15 (4), Thông tư 183/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20/1/2016). Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

(a) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây mà được phát hành bởi một công ty hoặc nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau:

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
(ii) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
(iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
(iv) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
(v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

(b) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu không bao gồm trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

(c) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán, trừ trái phiếu Chính phủ, của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;

(d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt

Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

(f) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

(2) Quỹ không được thực hiện:

(a) Đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(b) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

(3) Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra trong Mục 2.1.3 (a), (b), (c), (d) nêu trên và chỉ vì các nguyên nhân sau:

(a) Do biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

(b) Do thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của quỹ;

(c) Do thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

(d) Do các hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

(e) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; hoặc

(f) Do Quỹ đang trong thời gian giải thể.

(4) Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, ABF sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Mục 1 của phần này trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì ABF không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định trong Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, ABF phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra.

(5) Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ:

a. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định;

b. Công ty Quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;

c. Tài sản của quỹ không được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác;

d. Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.

(6) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) mục 2.1 ở trên phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

2.2. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Nhà đầu tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

2.2.1.Ngày Giao Dịch

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư (4) thứ nhất và thứ ba của tháng nếu ngày đó là Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày thứ Tư (4) kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày thứ Tư kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của ABF, www.abf.com.vn. ABF có thể thay đổi Ngày Giao Dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ. Các thay đổi đó sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

2.2.2.Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết trong Bảng sau:

Bảng: Thời điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch 'T'

	Giờ đóng sổ lệnh	
	Thanh toán (1)	**Hồ sơ (2)**
Mua,	15h00 T-1	12h00T-1
Bán, Chuyển đổi, Hủy lệnh	na	12h00T-1

(1) Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn Vị Quỹ tại Tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước 15h00 ngày T-1

(2) Thời Điểm Đóng sổ Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh. Các lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được Đại Lý Phân Phối chuyển sang Đại Lý Chuyển Nhượng trước thời điểm đóng hệ thống của Ngày Làm Việc đầu tiên trước Ngày Giao Dịch T ("T-1"). Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và được nhận bởi Đại Lý Chuyển Nhượng, NAV của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.

2.2.3.Giao Dịch Muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

2.2.4.Mua Đơn Vị Quỹ

a) Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Đơn Vị Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Đại Lý Phân Phối được ủy quyền hoặc Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của ABF, www.abf.com.vn. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký đối với mỗi cá nhân/tổ chức hay các bên đồng sở hữu hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền. Tất cả các Đơn Đăng Ký phải được ký đầy đủ.

Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ Đăng Ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Nhà đầu tư nhằm đảm bảo Nhà đầu tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh hay trên trang thông tin điện tử của ABF, www.abf.com.vn

Nhà đầu tư nếu muốn có thể đặt lệnh giao dịch tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại Lý Phân Phối. Nhà đầu tư chỉ có thể nộp các Phiếu Lệnh Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Đơn Vị Quỹ ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

b) Xử Lý Đơn Đăng Ký

Nhà đầu tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm Việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở cuối Bản Cáo Bạch này.

Các Đại Lý Phân Phối sẽ xử lý hồ sơ đăng ký và chuyển cho Đại Lý Chuyển Nhượng, là tổ chức sẽ đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành mở tài khoản và thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nẩy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký.

Nhà đầu tư có thể thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý việc đăng ký. Mọi khoản đầu tư vào Đơn Vị Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

Trong trường hợp việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân và tổ chức khác không phải nhà đầu tư thì tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.

Tiền mua Đơn Vị Quỹ phải được chuyển vào đúng tài khoản của Quỹ mà Nhà đầu tư đăng ký mua với nội dung chuyển khoản được công bố trên website của ABF tùy theo từng thời điểm. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình chuyển khoản có thể dẫn đến việc số tiền mua Đơn Vị Quỹ không được Ngân Hàng Giám Sát ghi nhận vào tài khoản của Quỹ hoặc sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ chuyển trả vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn Đăng Ký trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất sau ngày chuyển tiền đó.

Tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau Thời Điểm Đóng sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch sẽ được coi là tiền mua Đơn Vị Quỹ của Ngày Giao Dịch tiếp theo.

Trường hợp tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch, nhưng lệnh giao dịch lại nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh hoặc không có lệnh giao dịch, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chuyển trả vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn Đăng Ký trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch trừ khi Nhà đầu tư có yêu cầu giữ lại để thực hiện mua Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Công ty Quản Lý Quỹ có quyền từ chối yêu cầu giữ lại của Nhà đầu tư nếu nhận thấy yêu cầu đó là không hợp lý và không thể thực hiện được.

Trường hợp lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch, nhưng tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau Thời Điểm Đóng sổ Lệnh, Nhà đầu tư nộp cho Đại Lý Phân Phối một Phiếu Lệnh Mua mới trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch tiếp theo để được mua Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch tiếp theo đó.

Trong trường hợp nhà đầu tư có nhiều lệnh mua chứng chỉ Quỹ cũng một lúc, lệnh mua chứng chỉ quỹ sẽ được ưu tiên theo:

- Chương trình đầu tư định kỳ (khi vẫn trong thời hạn của chương trình) được ưu tiên trước lệnh thường.
- Ưu tiên theo thâm niên của chương trình đầu tư
- Ưu tiên theo thứ tự đặt lệnh.

c) Tuân Thủ

Đơn Đăng Ký mua Đơn Vị Quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng ("KYC") và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền ("AML"). Vì vậy việc tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo pháp luật Việt Nam, tất cả nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi chính phủ Việt Nam hay chính phủ sở tại của nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.

Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn Vị Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng lưu ký ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d) Chấp Nhận Đơn Đăng Ký

ABF có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư. Các Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp.

Trong trường hợp ABF từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ABF thông báo cho Đại Lý Chuyển Nhượng về việc từ chối đó. Đơn Vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của nhà đầu tư hay của Đại Lý Ký Danh khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận đủ phần thanh toán cho Lệnh Mua của nhà đầu tư.

Lệnh Mua thành công của nhà đầu tư hay Đại Lý Ký Danh sẽ được thông báo trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc từ Ngày Giao Dịch. Số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ hai. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư.

e) Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của nhà đầu tư cùng với tất cả các Lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong mục 2.2.9 dưới dây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

f) Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Mức Đầu tư tối thiểu (tính theo giá trị lệnh Mua) là 1,000,000 VND (Một triệu đồng).

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho nhà đầu tư. ABF bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.

g) Giá Dịch Vụ Phát Hành

Đơn Vị Quỹ được phát hành bằng với NAV tại Ngày Giao Dịch cho mỗi Đơn Vị Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành tương ứng cho khoản đầu tư vào Quỹ. Bảng Giá Dịch Vụ Phát Hành được cập nhật và công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

Giá dịch vụ phát hành áp dụng tại thời điểm công bố Bản cáo bạch này là 0% giá trị giao dịch.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, ABF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành đối với Đơn Vị Quỹ. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ này sẽ được cập nhật và thông báo trên website của ABF tùy theo từng thời điểm tuy nhiên không quá 5% giá trị giao dịch.

2.2.5.Bán Đơn Vị Quỹ

a) Phiếu Lệnh Bán

Nhà đầu tư có thể bán Đơn Vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của ABF, www.abf.com.vn.Tất cả các Phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ.

b) Quy Trình Xử Lý Lệnh Bán

Nhà đầu tư đặt Lệnh Bán bằng số Đơn Vị Quỹ muốn bán.

Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà đầu tư có đủ số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản để bán. Đơn Vị Quỹ được mua lại từ tài khoản của Nhà đầu tư theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán có số lượng Đơn Vị Quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản, tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà đầu tư.

Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như đề trong mục IX.2.5.4.d sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán tại Điểm Nhận Lệnh, theo ngày giờ xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Đơn Vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản của Nhà đầu tư và bảng kê mới về số Đơn Vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Nhà đầu tư.

c) Lệnh Bán Tối Thiểu và Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn Vị Quỹ nắm giữ về 0 (không) và đóng tài khoản.

Tài khoản của Nhà đầu tư sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Bán của Nhà đầu tư. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Bán của Nhà đầu tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không). Tài khoản của Nhà đầu tư sẽ tự động đóng khi tài khoản của Nhà đầu tư không có số dư trong vòng 01 năm.

ABF có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu này trong từng thời điểm.

d) Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán và Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Bán

Nhà đầu tư cần lưu ý là trong một số trường hợp Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán/Lệnh chuyển đổi Quỹ

Trong các trường hợp sau, Quỹ chỉ có thể thực hiện một phần Lệnh Bán và Chuyển Đổi Quỹ của Nhà đầu tư:

(i) Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyên Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc

(ii) Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trong các trường hợp này, việc thực hiện một phần Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện theo tỷ lệ. Phần còn lại chưa thực hiện của các Lệnh này sẽ bị huỷ.

Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

Tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, các Lệnh Bán cùng với tất cả các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được quy định chi tiết tại phần 2.2.9 dưới đây.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại, trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế, nếu có.

e) Giá Dịch Vụ Mua Lại

Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính theo phần trăm của NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ và sẽ được trừ khỏi NAV tại Ngày Giao Dịch để tính Giá Mua Lại. Nếu được áp dụng, thuế giao dịch chứng khoán sẽ được trừ từ tổng giá trị bán.

Giá mua lại trên một Đơn Vị Quỹ = NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ x (1 - Giá Dịch Vụ Mua Lại trên một Đơn Vị Quỹ)

Tiền thu được từ việc mua lại Đơn Vị Quỹ (sau khi đã trừ giá dịch vụ và thuế) sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ hoàn trả cho Nhà Đầu Tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Giá dịch vụ ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Nhà đầu tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ.

Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà đầu tư với số tài khoản đã đăng ký ban đầu trong Sổ Đăng Ký. Nhà đầu tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán từ việc bán Đơn Vị Quỹ. Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại Lý Phân Phối.

Giá dịch vụ mua lại được áp dụng tại thời điểm công bố Bản cáo bạch này như sau: với chứng chỉ quỹ nắm giữ bằng và dưới 6 tháng là 0,5% giá trị giao dịch; từ 6 tháng đến bằng 9 tháng là 0,35% giá trị giao dịch; trên 9 tháng là 0% giá trị giao dịch.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, ABF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại Đơn Vị Quỹ. ABF có thể thay đổi cơ cấu giá dịch vụ để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá mua lại khác hoặc chi phí chống pha loãng. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ sẽ được cập nhật và thông báo trên website của ABF tùy theo từng thời điểm tuy nhiên không cao hơn 3% giá trị giao dịch.

2.2.6.Chuyển Đổi Quỹ

a) Phiếu Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Nhà đầu tư có thể chuyển đổi sang Quỹ mở khác do ABF quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi được đính kèm theo Đơn Đăng Ký, hoặc có tại Điểm Nhận Lệnh và trên trang thông tin điện tử www.abf.com.vn của ABF. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này sau khi trả giá dịch vụ và thuế, nếu có, sẽ dùng để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.

b) Xử Lý Các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng như là Lệnh Bán và tiếp theo sau là Lệnh Mua được thực hiện trong hai Ngày Giao Dịch liền kề nhau.

Lệnh Chuyển Đổi xác định một số lượng Đơn Vị Quỹ được bán để chuyển sang một quỹ mới.

c) Mức Tối Thiểu Cho Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp số dư nhỏ hơn được chuyển đổi và số dư tài khoản Quỹ được bán giảm về không thì Lệnh Chuyển Đổi thấp hơn mức tối thiểu sẽ được chấp nhận, số dư tài khoản tối thiểu 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ được áp dụng cho tài khoản Quỹ chuyển đến từ việc chuyển đổi. Đại Lý Phân Phối sẽ được hướng dẫn để không chấp nhận Lệnh Chuyển Đổi trong trường hợp Quỹ mục tiêu không đạt số dư tối thiểu và sẽ đề nghị nhà đầu tư đặt thêm Lệnh Mua để đảm bảo khoản đầu tư vào Quỹ mục tiêu đạt số dư tối thiểu 100 Đơn Vị Quỹ.

Tài khoản của Nhà đầu tư sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Chuyển Đổi của Nhà đầu tư. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Chuyển Đổi của Nhà đầu tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không).

d) Thực Hiện Một Phần Lệnh Chuyển Đổi

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng Lệnh Chuyển Đổi có thể chỉ được thực hiện một phần nếu Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần. Các trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần được quy định chi tiết tại mục IX.2.2.5.d. Phần chưa được thực hiện của Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện một phần sẽ bị hủy.

e) Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Trong một vài trường hợp Lệnh Chuyển Đổi cùng các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được nêu tại mục IX.2.2.9 bên dưới.

Trong các trường hợp tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi đã nhận sẽ được thực hiện bằng với NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi thuế và Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

f) Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi

Nhà đầu tư chỉ phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi nếu Giá Dịch Vụ Phát Hành tại Quỹ mục tiêu cao hơn Quỹ rời đi tại thời điểm chuyển đổi. Trong các trường hợp khác, nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi.

Nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại cho Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Các khoản thuế giao dịch, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được chuyển đổi sang Quỹ mục tiêu sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

2.2.7.Chuyển Nhượng Phi Thương Mại Đơn Vị Quỹ

a) Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư có thể Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ cho nhà đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án. Lệnh Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn Vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn Vị Quỹ. Nhà đầu tư chuyển nhượng cần điền Lệnh Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ với điều kiện là số lượng Chuyển Nhượng phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản và luôn luôn phải đảm bảo tuân thủ điều kiện như nêu tại Mục c dưới đây nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà đầu tư.

b) Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư muốn thực hiện Chuyển Nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo Đơn Đăng Ký tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của ABF, www.abf.com.vn. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà đầu tư, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua Đơn Vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

c) Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới, quy định chi tiết tại Mục IX.2.2.4.c.

d) Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ.

e) Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng tối đa là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) cho một giao dịch chuyển nhượng, do bên chuyển nhượng thanh toán.

2.2.8.Hủy Lệnh Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

Nhà đầu tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp Phiếu Hủy Lệnh cho các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối của họ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

2.2.9. Tạm Dừng Thực Hiện Các Lệnh Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

Nhà đầu tư cần lưu ý là việc thực hiện các lệnh giao dịch - Mua, Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ có thể sẽ bị tạm dừng một hoặc nhiều Ngày Giao Dịch vì tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát của ABF. Tất cả Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trong các trường hợp giao dịch bị tạm dừng và thông báo sẽ được đăng trên trang điện tử của ABF, www.abf.com.vn

Việc thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ có thể bị tạm dừng do một trong các sự kiện sau:

(a) Các điều kiện bất khả kháng;

(b) Không thể xác định được NAV của Quỹ tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;

(c) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng; hoặc

(d) Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt, các giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện trở lại vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Theo luật, thời gian tạm dừng thực hiện các Lệnh Mua và Bán Đơn Vị Quỹ sẽ không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Giao Dịch trước. Trong trường hợp giao dịch không thể tiếp tục trong khoảng thời gian tạm dừng tối đa nêu trên, thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng trên, ABF sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư để xin ý kiến Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, tách Quỹ hoặc kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định ở trên chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2.2.10. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP)

SIP là một chương trình đầu tư tiết kiệm có hệ thống cho phép Nhà đầu tư có thể tiết kiệm một khoản tiền đều đặn một cách thường xuyên - định kỳ mỗi tháng. Ở nhiều nước, SIP đã chứng minh được lợi ích với các nhà đầu tư quỹ mở nhờ việc "Bình quân giá" của các khoản đầu tư.

a) Chi Phí Trung Bình Của Một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Chi phí trung bình cho một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ thường cho phép các nhà đầu tư tiết kiệm một cách hiệu quả trong thời gian dài và lợi ích từ biến động giá qua từng thời kỳ. Bảng dưới đây sẽ thể hiện nguyên tắc cơ bản với các số liệu giả định.

Bằng việc đầu tư một khoản cố định hàng tháng, nhà đầu tư có được lợi ích từ sự biến động giá trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ; giá trung bình cho một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ có thể thấp hơn giá trung bình của Đơn Vị Quỹ mà nhà đầu tư đã đầu tư vào một lượng nhất định Chứng Chỉ Quỹ hàng tuần.

Chìa khóa để đạt được lợi ích này là khi số lượng Đơn Vị Quỹ được mua với giá thấp và ít Đơn Vị Quỹ được mua khi giá cao, sẽ làm giảm chi phí đầu tư trung bình. Như được thể hiện ở Bảng trên, giá trung bình giảm

khi thị trường xuống với các khoản đầu tư liên tục và cho phép các khoản đầu tư này hiệu quả khi giá mỗi Đơn Vị Quỹ cao trở lại.

Tuy nhiên, nhà đầu tư cần lưu ý rằng NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ biến động kéo theo những thiệt hại nhất định. Trước khi thực hiện bất kỳ chương trình đầu tư định kỳ SIP nào, nhà đầu tư cần lưu ý rằng chương trình này không đảm bảo mang lại lợi nhuận hoặc không đảm bảo nhà đầu tư không bị thua lỗ.

b) Sử Dụng Các Lệnh Tự Động Hoặc Lệnh Chờ Để Thực Hiện Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Các nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền đều đặn hàng tháng. Đại Lý Phân Phối sẽ có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra một chương trình SIP và tần suất thanh toán phù hợp. SIP cho phép thực hiện các chương trình tiết kiệm một cách kỷ luật. Nhà đầu tư có thể thay đổi mức đầu tư của SIP (nhưng không thấp hơn mức tối thiểu trong trường hợp giảm mức đầu tư) bằng cách thay đổi các chỉ thị SIP với ngân hàng và/hoặc Đại Lý Phân Phối của mình.

Nhiều ngân hàng tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp nhà đầu tư có thể thực hiện một chương trình SIP. ABB - đối tác chiến lược của Quỹ, cung cấp các dịch vụ này thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến của mình cũng như thông qua mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch rộng khắp. Nhà đầu tư cần đặt lệnh thanh toán SIP ở ngân hàng của mình một khoảng thời gian phù hợp trước thời điểm đóng sổ lệnh (xin xem khoản d mục 2.2.10 bên dưới) với nội dung thanh toán chính xác. Một số ngân hàng cũng có thể chấp nhận và thực hiện thanh toán theo các lệnh chờ thanh toán của nhà đầu tư theo đó khoản đầu tư cho SIP sẽ được thực hiện mà không cần phải nộp chỉ thị ngân hàng mỗi tháng.

c) Khoản Đầu Tư Tối Thiểu Cho Chương Trình SIP

Mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho chương trình SIP cũng giống như mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho trường hợp nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu hoặc các lần tiếp theo. Với một nhà đầu tư mới mở tài khoản, nhà đầu tư cần thực hiện khoản đầu tư đầu tiên là 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng) khi đăng ký mở tài khoản và khoản đầu tư này không phải là khoản đầu tư đầu tiên cho chương trình SIP. Các khoản đầu tư tối thiểu định kỳ hàng tháng tiếp theo cho chương trình SIP là 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng) được gửi từ tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư tới tài khoản riêng biệt của Quỹ tại Ngân hàng Lưu ký dành cho mục đích SIP.

Các chương trình SIP có thời hạn tối thiểu là 01 (một) năm và có thể được tiếp tục không hạn định. Việc mua lại Đơn Vị Quỹ được thực hiện trên nguyên tắc nhập trước xuất trước. Do đó các Đơn Vị Quỹ ban đầu được mua theo Đơn Đăng Ký sẽ được mua lại trước, sau đó đến các Đơn Vị Quỹ được mua vào ngày tiếp theo, dù các lệnh mua đó được thực hiện theo một hoặc nhiều thỏa thuận SIP hay không.

d) Ngày Thanh Toán và Thời Điểm Đóng sổ Lệnh cho các khoản đầu tư SIP

Ngày giao dịch SIP là Ngày Giao Dịch của tuần thứ 03 hàng tháng. Nhà đầu tư cần thanh toán cho khoản đầu tư SIP hoặc cung cấp cho ngân hàng của họ lệnh chờ thanh toán SIP để Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền mua trước khi hết giờ làm việc của ngày trước ngày giao dịch của tuần thứ 03 hàng tháng. Nhà đầu tư có lệnh mua hợp lệ và được xác nhận đã nhận được tiền mua SIP sẽ được ghi nhận sở hữu Đơn Vị Quỹ sau khi Quỹ nhận được báo cáo phân bổ từ Đại Lý Chuyển Nhượng.

e) Giảm Giá Dịch Vụ Cho Chương Trình SIP

Nhà đầu tư có thể được giảm Giá Dịch Vụ Phát Hành nếu đồng ý đầu tư theo SIP. Mức giảm được quy định công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

f) Chấm dứt chương trình SIP và chi phí rời SIP

Thỏa thuận SIP được chấm dứt trong các trường hợp sau:

i. Nhà đầu tư hủy khoản đầu tư SIP;
ii. Thanh toán theo Thỏa Thuận SIP không về tài khoản của Quỹ trước thời gian đóng sổ lệnh của SIP như quy định chi tiết tại khoản d mục 2.2.10 ở trên trong 3 tháng liên tiếp;
iii. Khoản đầu tư SIP bị chấm dứt do chuyển sang một quỹ khác.

Chi phí rời SIP cộng thêm vào giá dịch vụ mua lại được áp dụng với các trường hợp Đơn Vị Quỹ trong chương trình SIP được bán trước ngày tròn một (01) năm kể từ ngày bắt đầu chương trình SIP. Mức chi phí rời SIP cụ thể trong trường hợp này được công bố trên website của ABF tại từng thời điểm, tuy nhiên chi phí rời SIP cộng

với giá dịch vụ mua lại trong mọi trường hợp sẽ không quá 3% (ba phần trăm) trên NAV của số lượng CCQ bán ra.

Giá dịch vụ mua lại tiêu chuẩn được áp dụng đối với việc bán khoản đầu tư SIP trong các trường hợp khác và được công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

2.3. Các loại dịch vụ và chi phí

2.3.1.Giá Dịch Vụ Giao Dịch

Các loại giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. ABF bảo lưu quyền thay đổi biểu giá dịch vụ giao dịch này phù hợp với Điều Lệ và quy định pháp luật.

Các khoản chi phí giao dịch như sau:

a) Giá Dịch Vụ Phát Hành

Giá dịch vụ phát hành áp dụng tại thời điểm công bố Bản cáo bạch này là 0% giá trị giao dịch.

Giá Dịch Vụ Phát Hành có thể được áp dụng khi nhà đầu tư mua các Đơn Vị Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành ở mức tối đa 5,0% (năm phần trăm) giá trị giao dịch, mức cụ thể được cập nhật, công bố trên website của ABF. Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo hợp đồng giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối). Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh Mua, dù là mua lần đầu hay mua định kỳ hàng tháng, hay các lần mua tiếp theo, Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính trên giá trị thanh toán bởi nhà đầu tư cho mỗi Lệnh Mua tại Ngày Giao Dịch.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá Dịch Vụ Phát Hành. Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP có thể được giảm trừ Giá Dịch Vụ Phát Hành như công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

ABF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành bất kỳ lúc nào. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ sẽ được cập nhật và công bố trên website của ABF tùy theo từng thời điểm.

b) Giá Dịch Vụ Mua Lại

Nhà đầu tư được khuyến khích nắm giữ các Đơn Vị Quỹ như một phần của các khoản đầu tư dài hạn và chương trình tiết kiệm hưu trí. Quỹ mở không được thiết kế cho mục đích mua bán ngắn hạn. Việc nhà đầu tư thường xuyên mua đi và bán lại Đơn Vị Quỹ, vốn được thiết kế để đạt được lợi nhuận dài hạn sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ cũng như lợi nhuận của Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng cho NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ, cụ thể giá Dịch vụ mua lại tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này được áp dụng như sau: ***với chứng chỉ quỹ nắm giữ bằng và dưới 6 tháng là 0,5% giá trị giao dịch; từ 6 tháng đến bằng 9 tháng là 0,35% giá trị giao dịch; trên 9 tháng là 0% giá trị giao dịch***.

Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên NAV của số lượng bán CCQ bán ra, mức cụ thể được cập nhật và công bố trên website của ABF tùy theo từng thời điểm.

Chi phí rời SIP được áp dụng cho giao dịch bán của Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP có thời gian nắm giữ dưới một (01) năm kể từ ngày bắt đầu.

Chi phí rời SIP cụ thể được công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các nhà đầu tư khi thực hiện các Lệnh Bán và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

ABF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại bất kỳ lúc nào. ABF có quyền thay đổi cơ cấu giá dịch vụ để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá mua lại khác hoặc phí chống pha loãng. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ mua lại sẽ được công bố trên website của ABF tại từng thời điểm.

c) Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ

Ngoại trừ trường hợp được miễn Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ theo quy định của pháp luật, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi là mức chênh lệch giữa Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ mục tiêu với Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo hợp đồng giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối).

Lệnh Chuyển Đổi Quỹ sẽ không bị tính Giá Dịch Vụ Mua Lại. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

d) Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng tối đa là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của ABF. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán và được trả cho Đại Lý Phân Phối.

2.3.2.Chi Phí Điều Hành Và Quản Lý Quỹ

Chỉ có các loại giá dịch vụ và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Xin lưu ý các loại giá dịch vụ dưới đây là các mức đang áp dụng và các mức giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các loại giá dịch vụ này bao gồm:

a) Giá Dịch Vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho ABF. Giá dịch vụ quản lý hàng năm cho Quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV như sau:

Bảng: Biểu Giá Dịch Vụ Quản Lý

Quỹ	Giá Dịch Vụ Quản Lý (% của NAV/năm)
Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu An Bình (ABBF)	1,45%/năm

Tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giá Dịch Vụ Giám Sát

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

c) Giá Dịch Vụ Lưu Ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,06% (sáu điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

d) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

e) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận Đại Lý Chuyển Nhượng.

f) Giá Dịch Vụ Kiểm Toán

Giá Dịch Vụ Kiểm Toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

g) Phụ Cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

h) Chi Phí Khác

(i) Chi phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ.

(ii) Chi phí in ấn (như chi phí in ấn tài liệu cho nhà đầu tư) theo yêu cầu của pháp luật;

(iii) Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;

(iv) Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

(v) Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan Nhà nước;

(vi) Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;

(vii) Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và

(viii) Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

2.4. Phương pháp Định giá tài sản

2.4.1.Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) cho mỗi Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

NAV là tổng giá trị thị trường của các tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

$$\text{NAV/ Đơn Vị Quỹ} = \frac{(\text{Tổng giá trị thị trường của tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV được tính cho mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ như được định nghĩa tại Mục IX.2.2.1 của Bản Cáo Bạch này và sẽ được tính làm tròn xuống đến 02 (hai) số thập phân.

Ví dụ sau đây cho minh họa cách tính NAV của Quỹ cho một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giả định được đưa ra:

Bảng: Tính toán NAV giả định của một Quỹ

Khoản mục	Đơn vị	Giá trị
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	VNĐ	130.000.000.000,00
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	VNĐ	5.000.000.000,00
Tài sản khác tại ngày T-1	VNĐ	3.600.000.000,00
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	VNĐ	10.000.000.000,00
Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại T-1	Đơn vị	10.000.000,00
Tổng tài sản tại ngày T-1		138.600.000.000,00
Trừ nợ của Quỹ tại ngày T-1		10.000.000.000,00
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T	=	**128.600.000.000,00**
NAV trên một Đơn Vị Quỹ:	=	128.600.000.000/10.000.000 ***= 12.860 VNĐ/ đơn vị***

NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và sẽ được công bố trên trang web của ABF, www.abf.com.vn, và trên trang công bố thông tin của UBCKNN trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày Định Giá với điều kiện các trang điện tử này hoạt động bình thường. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

2.4.2.Ngày Định Giá

Ngày Định Giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư thứ nhất và thứ ba của tháng) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

2.4.3.Định Giá Tài Sản

a) Giá Trị Của Tài Sản

Việc định giá tài sản của Quỹ, bao gồm cả các quyền, và việc tính toán NAV của Quỹ sẽ phải theo các quy tắc và quy định áp dụng cho từng thời điểm, được quy định trong Điều Lệ và sẽ được kiểm toán hàng năm. Chính sách kế toán phải phù hợp với các quy định hiện hành. Chính sách định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Sổ Tay Định Giá, được phê chuẩn bởi Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát với các nội dung cơ bản như sau:

(i) Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất suất chiết khấu tại thời điểm mua cộng với (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm mua và thời điểm định giá; • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; • Giá xác định theo Phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến*

		có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất suất chiết khấu tại thời điểm mua cộng với (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm mua và thời điểm định giá; • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; • Giá xác định theo phương pháp khác đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.*
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức

		báo giá không phải là người có liên quan được Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc • Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá trị sổ sách; hoặc • Mệnh giá; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày Định Giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF/ VBMA...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

(ii) Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2].
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

b) Sổ Tay Định Giá và Hội Đồng Đánh Giá

Trong trường hợp xác định giá thị trường cho một khoản đầu tư của Quỹ, ABF sẽ áp dụng Sổ Tay Định Giá tuân thủ với Pháp Luật và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc xác định một phương pháp định giá để có thể ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó cho mỗi trường hợp cụ thể. Ước tính giá trị hợp lý là xác định một cách hợp lý nhất giá trị có thể bán được của khoản đầu tư trong một giao dịch hiện tại giữa hai bên sẵn

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí giá dịch vụ mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí giá dịch vụ mua quyền chọn (premium).

sàng tham gia giao dịch. Việc định giá khoản đầu tư này nếu cần thiết sẽ được phê chuẩn của Hội Đồng Định Giá, Ban Đại diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cho mục đích xác định NAV của Quỹ.

Mục đích của Hội Đồng Định Giá là giám sát việc định giá của các khoản đầu tư của Quỹ, nghiên cứu và giải quyết bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong định giá và đảm bảo ABF áp dụng thống nhất thông lệ quốc tế và trong nước trong việc xác định giá trị của các khoản đầu tư.

Nhà đầu tư nên lưu ý rằng chế độ kế toán Quỹ Mở theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định khác của Luật được ưu tiên hơn các thông lệ quốc tế tốt nhất trong trường hợp những quy định cụ thể được ban hành có thể khác với thông lệ quốc tế tốt nhất. Do đó, việc áp dụng chế độ kế toán theo quy định của Luật có thể làm NAV cao hơn hoặc thấp hơn so với việc áp dụng thông lệ quốc tế. Sự khác biệt quan trọng giữa quy định hiện hành và thông lệ quốc tế xảy ra trong việc ghi nhận các khoản phải thu (chẳng hạn như mua cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua cổ phiếu), mà theo quy định của Luật chỉ có thể xảy ra vào ngày thanh toán và ngày xác nhận của Trung tâm lưu ký (trong trường hợp cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua) (thay vì vào ngày giao dịch hoặc ngày không hưởng quyền theo tiêu chuẩn quốc tế).

2.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.5.1. Chính sách cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được uỷ quyền). Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

(a) Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp Luật; hoặc

(b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp Luật quy định.

Nhà đầu tư có thể nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc dùng để tái đầu tư:

- Lựa chọn Nhận cổ tức bằng Tiền ("DPP"): Nhà đầu tư muốn nhận cổ tức bằng tiền cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong Đơn Đăng Ký.
- Lựa chọn Tái Đầu tư cổ tức ("DRIP"): Nhà đầu tư muốn dùng cổ tức để tái đầu tư sẽ nhận được thêm các Đơn Vị Quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ được trả theo chương trình Lựa chọn Tái Đầu tư cổ tức sẽ được tính toán đến hai chữ số thập phân bằng cách làm tròn xuống chữ số thứ hai. Cổ tức được trả cho Nhà đầu tư sẽ được tự động tái đầu tư tại NAV của Quỹ trong Ngày Giao Dịch liền sau ngày trả cổ tức. Số lượng các Đơn Vị Quỹ của Nhà đầu tư do đó sẽ tăng bằng với số cổ tức phải trả chia cho NAV vào Ngày Giao Dịch đó. Cổ tức được dùng để tái đầu tư giống như việc Nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt và dùng số tiền đã nhận được để tái đầu tư nhưng khi đó:

- Các khoản đầu tư dưới hình thức DRIP sẽ không phải trả Giá Dịch Vụ Phát Hành;
- Không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại hoặc Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ đối với khoản đầu tư từ DRIP.

Nhà đầu tư cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên, DPP hoặc DRIP, được ghi trong Đơn Đăng Ký. Nếu nhà đầu tư không có sự lựa chọn, lựa chọn DRIP được tự động áp dụng.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào (hàng quý, nửa năm, hàng năm) khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cũng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền).

Nhà đầu tư có trong danh sách chốt trong sổ Đăng Ký tại Ngày Giao Dịch được công bố bởi ABF cho việc chia cổ tức ("Ngày Chốt Danh Sách") được xem là đủ điều kiện để nhận cổ tức.

Để đảm bảo chính xác việc chia cổ tức, giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được tạm ngừng trong khoảng thời gian ngắn trước Ngày Chốt Danh Sách.

Cổ tức sẽ được chi trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được công bố và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư theo đăng ký trong sổ Đăng Ký vào ngày thanh toán cổ tức, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan.

Cổ tức được chi trả sẽ phải chịu thuế tùy thuộc vào nguồn gốc của thu nhập của Quỹ cũng như các loại thuế áp dụng cho Nhà đầu tư (xem Phần XV).

2.5.2.Chính sách thuế

Do các quy định về thuế áp dụng cho từng cá nhân cụ thể, từng nhà đầu tư là khác nhau. Do vậy nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính của việc đầu tư vào Quỹ.

2.6. Đại hội nhà đầu tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày tiến hành đại hội.

Các quy định khác về Đại Hội Nhà Đầu Tư, bao gồm cả quyền và nghĩa vụ, được quy định tại Chương IV của Điều Lệ Quỹ.

2.7. Ban đại diện Quỹ (Dự kiến)

Ông Trương Ngọc Lân

Thành viên độc lập – Chủ tịch

- **Trình độ chuyên môn:**
  - Thạc sĩ chuyên ngành Actuary
  - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- **Kinh nghiệm làm việc:**
  - Có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán... Đảm nhiệm các vị trí chuyên môn tại nhiều tập đoàn, công ty lớn như Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình ...
  - Từng tham gia HĐQT của nhiều Công ty, Tập đoàn lớn trông lĩnh vực Tài chính, CNTT. Hiện là Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán An Bình.

Ông Lại Tất Hà

Thành viên độc lập

- **Trình độ chuyên môn**
  - Thạc sĩ Tài Chính
- **Kinh nghiệm làm việc**
  - Có hơn 14 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, từng đảm nhiệm các vị trí chủ chốt về Nguồn vốn và Thị trường tài chính tại các Ngân hàng như Techcombank và Seabank.
  - Từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ tại ABBANK, và chính thức được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của ABBANK kể từ ngày 08/10/2019.

Ông Lê Việt Hà

- **Như mục IV.1.2**

Ông Nguyễn Đại Hải

- **Trình độ chuyên môn:**

Thành viên độc lập

- Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính tại các Công ty Tài Chính, Chứng khoán và Quỹ Đầu tư
- Hiện là Tổng Giám Đốc của CTCP Đầu Tư Tổng Hợp Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Thành viên độc lập

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Tài chính - Kế toán

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, đảm nhiệm vị trí kế toán tổng hợp và kế toán trưởng tại nhiều Công ty Tập đoàn lớn như CTCP Du lịch và Khách sạn Thắng Lợi, Vinaconex...
- Hiện đang giữ chức vụ Kế Toán Trưởng tại Tập đoàn Geleximco.

Bà Trịnh Hương Lan

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Luật chuyên ngành Kinh Tế Quốc tế
- Cử nhân Luật chuyên ngành Luật Dân Sự

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Có gần 15 năm làm việc tại bộ phận pháp chế của nhiều Công ty và tập đoàn lớn trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán và Bất động sản như SSIAM, Tân Hoàng Minh...
- Hiện là Giám đốc Pháp chế của ABF.

Ban Đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Ban Đại diện quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diên quỹ là các thành viên độc lập. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

i. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
ii. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
iii. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Các Quy định khác về Ban Đại diện Quỹ, bao gồm cả quyền và nghĩa vụ, được quy định tại Chương V của Điều lệ Quỹ.

2.8. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

i. Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
ii. Không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;
iii. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và
iv. Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Các quy định về quyền hạn, nghĩa vụ và các hạn chế của Công ty Quản lý Quỹ được quy định cụ thể tại Chương VI của Điều Lệ Quỹ.

2.9. Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

i. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
ii. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ và Quỹ. Ngân hàng Giám sát không tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.

Các quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định cụ thể tại Chương VII của Điều Lệ Quỹ.

2.10. Các quy định khác trong Điều lệ Quỹ ABBF

a. Nhà đầu tư – Quyền và nghĩa vụ

Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ họ sở hữu.

Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư được quy định chi tiết tại Điều 13 của Điều lệ.

b. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ:

Là sổ đăng ký Nhà đầu tư, có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai, ghi nhận các thông tin của nhà đầu tư, được quy định cụ thể tại Điều 14 của Điều lệ.

c. Quyền biểu quyết của Nhà Đầu tư

Tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu Tư. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Điều 21 của Điều lệ.

3. CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, các Quỹ mở có những rủi ro như nhà đầu tư có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro này tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của họ đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.

Là công ty quản lý quỹ, mục tiêu của ABF là quản lý các rủi ro đầu tư, và nếu có thể, hạn chế tác động của các rủi ro này bằng việc áp dụng các phương pháp quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Nhà đầu tư cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây:

(1) Quỹ, ABF, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên ABF không có bất kỳ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ;

(2) Không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức được thanh toán trong tương lai;

(3) Kết quả hoạt động trong quá khứ của Quỹ, của ABF hoặc của các chủ sở hữu của ABF không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai;

(4) Tên của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai;

(5) ABF không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và các chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên của ABF không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của ABF trong quá trình quản lý Quỹ này.

Rủi ro trong đầu tư chứng khoán thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:

3.1 Rủi Ro Tín Dụng

Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

- **Ảnh hưởng:** rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp. Vì rủi ro này, trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao hơn so với lợi suất của trái phiếu Chính phủ

vốn được coi là hình thức đầu tư ít rủi ro hơn. Thông thường giá trị của chứng khoán có thu nhập cố định sẽ dao động theo mức độ đánh giá mức rủi ro tín dụng cũng như bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào thực tế xảy ra. Rủi ro tín dụng càng lớn, mức lợi suất yêu cầu càng cao. Rủi ro tín dụng hoặc rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Thẩm định chi tiết các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp nhằm đánh giá tình hình tài chính, tính khả thi của dự án đầu tư, khả năng trả nợ, uy tín... của tổ chức phát hành. Phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa danh mục trái phiếu đầu tư cả về loại trái phiếu và kỳ hạn trái phiếu. Mặc dù rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán có thể được phòng ngừa bằng bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba, như là ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính có uy tín, phương thức này khá hạn chế và tốn kém. Chi phí phòng ngừa rủi ro sẽ làm giảm tương đối lợi tức của khoản đầu tư. Hình thức giảm thiểu rủi ro phổ biến hơn là tổ chức phát hành thế chấp hoặc cầm cố tài sản bảo đảm cho các chủ sở hữu trái phiếu. Các tài sản có tính thanh khoản cao, tạo ra dòng tiền đều đặn được ưa chuộng hơn.

3.2 Rủi Ro Thị Trường

Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Quỹ hay giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

- **Ảnh hưởng:** Giá trị thị trường của chứng khoán mà Quỹ đầu tư vào sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả các chứng khoán. Giá có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có nhiều người mua hơn người bán trên thị trường.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chung có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ và tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, tâm lý kinh doanh cho tới thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khái quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

3.2.1 Rủi Ro Lãi Suất

Là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

- **Ảnh hưởng:** Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ cố gắng giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Bên cạnh đó, Quỹ sẽ đầu tư vào các trái phiếu có lãi suất thả nổi để hạn chế các rủi ro về lãi suất. Đòn bẩy của các công ty Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

3.2.2 Rủi Ro Lạm Phát

Là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư của quỹ suy giảm do lạm phát.

- **Ảnh hưởng:** Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

  Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lạm phát cao có thể làm ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành. Những doanh nghiệp ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát cao sẽ gặp bất lợi hơn. Chi phí tăng trong khi doanh thu không thể tăng sẽ có thể làm suy giảm dòng tiền từ hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay thường tăng do lãi suất thả nổi, doanh nghiệp sẽ có thể gặp khó khăn hơn trong việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro lạm phát đối với danh mục trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao.

3.2.3 Rủi Ro Tỷ Giá

Là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng gián tiếp bởi sự thay đổi tỷ giá.

- **Ảnh hưởng:** Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ. Đây là rủi ro gián tiếp do nó tác động tới công ty phát hành trái phiếu chứ các rủi ro tỷ giá không tác động trực tiếp tới trái phiếu hay Quỹ do các tài sản đầu tư phần lớn là Trái phiếu phát hành bằng đồng Việt Nam.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó.

  Tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quỹ và vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3.3 Rủi Ro Thanh Khoản Của Khoản Đầu Tư

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với chứng khoán quá thấp khiến cho Quỹ không thể hoặc mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết thường có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán. Thước đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giữa giá chào mua và giá chào bán. Chứng khoán kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn chứng khoán có thanh khoản cao. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp.

Ngoài ra, trong một vài trường hợp Quỹ có thể sẽ đầu tư vào những chứng khoán chuẩn bị niêm yết hoặc không niêm yết (phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành) và vì vậy Quỹ có thể gặp các rủi ro thanh khoản.

- **Ảnh hưởng:** Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của Quỹ (xem mục 8 dưới đây). Thanh khoản thấp của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho Quỹ và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ (xem mục 6 dưới đây).

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các Trái phiếu đầu tư có thể sẽ được nắm giữ tới khi đáo hạn trong trường hợp thanh khoản quá thấp. Ngoài ra các trường hợp đầu tư vào các trái phiếu thanh khoản thấp theo các quy định chỉ được phép tối đa là 10% phần nào đã hạn chế các rủi ro này. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cẩn trọng giới hạn trong quy định nội bộ.

3.4 Rủi Ro Tái Đầu Tư

Rủi ro này liên quan đến các mức lãi suất khi Quỹ tái đầu tư dòng tiền từ trái tức, trái phiếu đáo hạn hay thoái vốn các khoản đầu tư. Lãi suất tại thời điểm tái đầu tư có thể thấp hơn lãi suất trước đó dẫn đến thu nhập nhận được trong tương lai sẽ thấp đi.

Một số chứng khoán có thu nhập cố định được phát hành kèm theo quyền cho phép tổ chức phát hành mua lại chứng khoán đó trước hạn. Khi lãi suất thị trường có xu hướng giảm, các tổ chức phát hành có thể sẽ thực hiện quyền mua lại trước hạn này. Khả năng này có thể khiến Quỹ phải tái đầu tư phần tiền thu hồi tại mức sinh lợi thấp hơn, do đó làm giảm thu nhập từ lãi của Quỹ.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu và từ vốn được hoàn trả vào thời điểm đáo hạn trái phiếu.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tái đầu tư của danh mục đầu tư trái phiếu được quản trị thông qua việc theo dõi kỳ vọng lãi suất thể hiện trên đường cong lợi suất (đồ thị thể hiện các mức lãi suất của các trái phiếu có các kỳ hạn khác nhau) và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.

3.5 Rủi Ro Thanh Khoản Của Quỹ

Đây là rủi ro mà Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các Lệnh Bán của nhà đầu tư trong một Ngày Giao Dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian dài hơn. Khi NAV của Quỹ giảm xuống thấp hơn, hay tổng số tiền phải hoàn trả cho các Lệnh Bán trên NAV cao hơn các ngưỡng cho phép của Pháp Luật, các Lệnh Bán chỉ có thể được hiện một phần hoặc có thể bị trì hoãn (vui lòng xem chi tiết ở Mục IX.2.5.4.d "Thực hiện Một phần Lệnh Bán" và Mục IX.2.2.9 "Tạm dừng Việc Thực hiện Lệnh Mua và Lệnh Bán").

Ngoài các điều kiện theo quy định của Pháp Luật, Quỹ cũng có thể không đáp ứng tạm thời được một số hoặc tất cả các lệnh yêu cầu mua lại do thị trường thiếu thanh khoản và Quỹ không thể thoái vốn các khoản đầu tư. Điều kiện thị trường, thay đổi trong những quy định có liên quan và các yếu tố khác như khối lượng giao dịch thấp, thời gian thanh toán dài hoặc các thủ tục chuyển nhượng có thể hạn chế việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quỹ, kéo dài thời gian cần thiết để giải quyết các yêu cầu thanh toán, đặc biệt là trong trường hợp Quỹ phải đáp ứng một số lượng lớn bất thường các Lệnh Bán. Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản kém hơn thị trường thứ cấp của trái phiếu Chính phủ, và các khoản đầu tư trên thị trường tiền tệ, tuy khá thanh khoản, nhưng lại thiếu một thị trường thứ cấp phát triển, có thể hạn chế khả năng thoái vốn của Quỹ khi cần thiết.

Một phần tài sản của Quỹ có thể được phân bổ vào các chứng khoán chưa niêm yết phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ và các giới hạn theo Luật (Không quá 10% vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành). Chứng khoán chưa niêm yết có tính thanh khoản kém và có rủi ro thanh khoản cao hơn so với các chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán được phát hành kèm theo các lựa chọn thoái vốn bao gồm quyền chọn bán. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng rủi ro của danh mục đầu tư. Thêm vào đó, tính thanh khoản và giá trị các khoản đầu tư của Quỹ do có nắm giữ các chứng khoán chưa niêm yết có thể bị ảnh hưởng nếu các chứng khoán chưa niêm yết này bắt buộc phải được thoái vốn sớm hơn dự kiến.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ sẽ nỗ lực duy trì mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách phân bổ tài sản vào các tài sản có tính thanh khoản cao và các tài sản kém thanh khoản một cách hợp lý để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý, việc thanh toán sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những chứng khoán kém thanh khoản.

3.6 Rủi Ro Pháp Lý

Là rủi ro mà Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh

mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.

3.7 Rủi Ro Bất Thường

Là rủi ro mà những sự kiện bất thường có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm:

- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Các sự kiện chính trị xã hội như đình công, bạo động, tranh chấp biên giới;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
- Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất thường có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất thường vì các rủi ro này không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất thường.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Cơ Sở Pháp Lý

Cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Quỹ là các văn bản pháp lý sau:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;
- Nghị đinh số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngyaf 23/9/2013;
- Nghị đinh số 86/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
- Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/1/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015;
- Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16/3/2017 sửa đổi một số điều Thông tư 11/2016/TT-BTC ngày 19/1/2016;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011;

- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 123/2015/TT- BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

2. Thông Tin Về Đợt Phát Hành Lần Đầu Ra Công Chúng

ABBF sẽ được giới thiệu ra công chúng theo # Giấy chứng nhận IPO số 151/GCN-UBCK

Bảng: Các điều khoản chính của đợt IPO

Số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu dự định chào bán:	5.000.000 Đơn Vị Quỹ
Thời gian phát hành:	Thời hạn được nêu ở thông báo phát hành lần đầu
Mệnh giá:	10.000 đồng/ Đơn Vị Quỹ
Giá Dịch vụ Phát hành lần đầu:	0 đồng/Đơn Vị Quỹ
Giá Phát hành lần đầu:	10.000 VNĐ/ Đơn Vị Quỹ

Các nhà đầu tư muốn đầu tư vào Quỹ phải hoàn thành và nộp Đơn Đăng Ký cho Đại Lý Phân Phối theo các quy trình và hướng dẫn trong Mục X.4, "Mua Đơn Vị Quỹ". Nhà đầu tư chuyển khoản thanh toán tiền mua Đơn Vị Quỹ vào một tài khoản phong toả của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Thông tin chi tiết của tài khoản này sẽ được cung cấp bởi các Đại Lý Phân Phối và được đề cập trong Đơn Đăng Ký. Nếu IPO thành công, số lãi của khoản tiền này (nếu có) sẽ cấu thành một phần tài sản Quỹ.

Sau khi hoàn thành đợt IPO, ABF sẽ đăng ký xin Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ với SSC nếu có ít nhất 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp đầu tư vào Quỹ và tổng vốn đầu tư vào Quỹ đạt tối thiểu 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Khi nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát sẽ giải tỏa tài khoản ký quỹ của Quỹ đó để Quỹ có thể bắt đầu đầu tư. Dự kiến Ngày Giao Dịch đầu tiên sẽ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ có hiệu lực. Ngày Giao Dịch đầu tiên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của ABF www.abf.com.vn

Xác nhận đầu tư sẽ được gửi cho Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ có được Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ từ SSC.

Nếu Quỹ không thể huy động được ít nhất là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỉ đồng) hoặc có ít hơn 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp vào thời điểm kết thúc IPO hoặc thời gian được gia hạn (nếu có), SSC sẽ không cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ cho Quỹ. Trong trường hợp này, tất cả số tiền nhận được từ các nhà đầu tư trong thời gian IPO cùng với lãi phát sinh (nếu có) sẽ được hoàn trả vào tài khoản đăng ký của nhà đầu tư trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt IPO. ABF sẽ chịu tất cả các chi phí phát sinh từ đợt IPO trong trường hợp này.

Không có bất cứ hạn chế nào về số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được chào bán trong đợt IPO và nhà đầu tư được mua số lượng Đơn Vị Quỹ tương ứng với số lượng đã đăng ký, tuy nhiên cần đáp ứng được các quy định Pháp luật để đăng ký Quỹ ABBF sau thời gian phát hành lần đầu ra công chúng.

Sau khi điền phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ mở ABBF để mua Đơn Vị Quỹ trong đợt IPO, nhà đầu tư được xin ý kiến về một số vấn đề của quỹ do sau khi Quỹ ABBF được thành lập Quỹ sẽ không tổ chức đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên. Cụ thể, nhà đầu tư được xin ý kiến về một số vấn đề sau:

- Lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
- Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện quỹ là 250.000.000 VND (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ sẽ được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại liên quan đến các hoạt động của ban đại diện quỹ với định mức hợp lý, tuy nhiên, trong mọi trường hợp, các chi phí này sẽ không vượt quá ngân sách hoạt động hàng năm như nêu tại đây;
- Thông qua việc trao quyền cho Ban Đại Diện Quỹ trong việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ cho giai đoạn từ khi thành lập quỹ đến Đại Hội Nhà Đầu Tư đầu tiên;
- Thông qua việc lựa chọn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng giám sát của Quỹ;
- Thông qua phương pháp định giá của Quỹ.

Nhà đầu tư sẽ được thông báo kết quả của việc xin ý kiến lần đầu tiên và kết quả sẽ được công khai trên website của ABF, www.abf.com.vn

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng, Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của ABF và trong các báo cáo đầy đủ được cung cấp 6 tháng một lần.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa Quỹ ABBF và các quỹ ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ ABBF và Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ:
   (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
   (ii) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ tại Điểm i Khoản 1 Điều 32 và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm Tài Chính của Quỹ kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. Báo Cáo Cho Nhà Đầu Tư

Hàng tháng, quý, năm ABF sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Nhà đầu tư.

Đối với nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, ABF sẽ gửi thống kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng 5 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư.

2. Báo Cáo Quỹ

ABF sẽ công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin sau:

(a) Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

(b) Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định.

(c) Báo cáo thống kê chi phí giao dịch của hoạt động đầu tư của quỹ hàng năm và bán niên.

(d) Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu SSC quy định.

(e) Báo cáo hoạt động của quỹ và thống kê chi phí giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản Cáo Bạch cập nhập sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhất ít nhất một lần một năm.

3. Báo Cáo Bất Thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư uỷ quyền cho Ban Đại Diện Quỹ.

4. Gửi Báo Cáo

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện từ của ABF, hoặc gửi trực tiếp đến địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XIV. THÔNG TIN LIÊN LẠC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 35 626 246 Fax: (+84-24) 35 626 249 Email: info@abf.com.vn

XV. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ở đây và các tài liệu đính kèm.

XVI. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Phụ lục 1: Danh sách địa điểm phân phối và nhận bản cáo bạch

Phụ lục 2: Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ

Phụ lục 3: Phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ

Phụ lục 4: Dự thảo Điều lệ Quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Việt Hà

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI VÀ NHẬN BẢN CÁO BẠCH

Chứng Chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được phân phối tại các Điểm nhận lệnh của các Đại Lý Phân Phối như sau:

1. **Trụ sở chính CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 35 626246

Fax: 024 35 626 249

2. **CTCP Chứng khoán An Bình: Phòng Giao Dịch Láng Hạ**

Địa chỉ: 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 35 624 626

Fax: 024 35 624 628

PHỤ LỤC 2: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Thông tin giao dịch

Tần suất giao dịch	2 lần/tháng vào các ngày thứ 4 tuần thứ 01 và 03 của tháng
Ngày Giao dịch	Là ngày T
Thời điểm đóng sổ lệnh	12h ngày (T-1)
Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ (CCQ)	Để giao dịch chứng chỉ quỹ mở, nhà đầu tư cần mở Tài khoản giao dịch CCQ. Nhà đầu tư cần chuẩn bị hồ sơ mở tài khoản bao gồm: *Đối với nhà đầu tư cá nhân:* - Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch CCQ (theo mẫu) - Bản sao hợp lệ CMTND/Hộ chiếu của Khách hàng *Đối với nhà đầu tư tổ chức:* - Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch CCQ (theo mẫu) - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) - Quyết định của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc đầu tư CCQ - Giấy ủy quyền - Bản sao hợp lệ CMND/Hộ chiếu của Người đại diện theo pháp luật, người được nhận ủy quyền.

2. Quy trình và hướng dẫn đặt lệnh

2.1 Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

Bước 1: Nhà đầu tư mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

Bước 2: Nhà đầu tư đặt lệnh MUA chứng chỉ quỹ thông qua hình thức đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc các hình thức đặt lệnh mà Đại lý phân phối áp dụng tại từng thời điểm (online, qua điện thoại...)

Lưu ý:

- Lệnh MUA phải được đặt trước Thời điểm đóng sổ lệnh (12h ngày (T-1)) để được giao dịch vào Ngày giao dịch T.
- Trên Phiếu lệnh MUA, nhà đầu tư điền TỔNG số tiền đăng ký mua đã bao gồm cả Giá dịch vụ phát hành (nếu có)

Bước 3: Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ

Thông tin tài khoản để nhà đầu tư nộp tiền/chuyển khoản mua Quỹ ABBF:

- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

- Số tài khoản:

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành

- Nội dung: [Ho ten nha dau tu]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ ABBF.

Ví dụ: Nguyen Van A, 018C66666, mua Quỹ ABBF.

Lưu ý:

Khi nhà đầu tư nộp tiền qua hình thức chuyển khoản, đề nghị chọn "phí ngoài" để đảm bảo số tiền ghi trên Phiếu lệnh Mua khớp với số tiền nhà đầu tư nộp vào tài khoản quỹ.

Giá trị mua tối thiểu: 1.000.000 đồng

Xác nhận kết quả giao dịch:

- Khi nhà đầu tư đặt lệnh MUA, số lượng CCQ nhà đầu tư mua được sẽ là:

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối

$$\frac{\text{Số tiền đăng ký mua} * (1 - \text{Giá dịch vị phát hành})}{\text{NAV một đơn vị Quỹ}}$$

- Số lượng CCQ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số CCQ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại CCQ của nhà đầu tư.

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ, Đại lý phân phối sẽ gửi nhà đầu tư kết quả giao dịch, trong đó xác nhận số lượng CCQ nhà đầu tư mua được.

2.2 Lệnh bán chứng chỉ Quỹ

Nhà đầu tư đặt lệnh BÁN chứng chỉ quỹ thông qua hình thức đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc các hình thức đặt lệnh mà Đại lý phân phối áp dụng tại từng thời điểm (online, qua điện thoại...)

Lưu ý:

Lệnh BÁN phải được đặt trước Thời điểm đóng sổ lệnh (12h ngày T-1) để được giao dịch vào Ngày giao dịch T.

Số lượng đăng ký bán tối thiểu: 100 (một trăm) đơn vị Quỹ

Xác nhận kết quả giao dịch:

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ, Đại lý phân phối sẽ gửi nhà đầu tư xác nhận giao dịch.

- Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà Đầu Tư đăng ký tại Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ.

- Tài khoản ngân hàng nhận tiền bán CCQ phải mang tên nhà đầu tư và được nhà đầu tư đăng ký trong Đơn Đăng ký mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

2.3 Hủy lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ.

Nhà đầu tư điền Phiếu lệnh HỦY và gửi tới Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh (12h ngày (T-1)) để

hủy lệnh giao dịch được đặt cho Ngày giao dịch T. Trong trường hợp lệnh Hủy đến sau thời gian đó, lệnh Hủy đó sẽ không được thực hiện và những lệnh mà Nhà đầu tư đặt trước đó sẽ được thực hiện.
Trong trường hợp Nhà Đầu Tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

PHỤ LỤC 3: PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA/BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

GIẤY ĐĂNG KÝ MUA
SUBSCRIPTION FORM

	Phần cho Nhà đầu tư *(For Investor)*		
	Thông tin về Nhà đầu tư *(Investor's information)*		
1	**Tên Nhà đầu tư*:** *(Investor's name)*		
	Số CMT/Hộ chiếu*: *(ID/Passport)*	**Ngày cấp*:** *(Issuing date)*	**Nơi cấp*:** *(Issuing place)*
	Số tài khoản giao dịch CCQ: *(Fund certificate account number)*		
	Thông tin người được ủy quyền đặt lệnh *(Authorized person to place trading orders information)*		
2	**Người được ủy quyền đặt lệnh:** *(Authorizedperson to place the order)*		
	Số CMT/Hộ chiếu*: *(ID/Passport)*	**Ngày cấp*:** *(Issuing date)*	**Nơi cấp*:** *(Issuing place)*
3	**Tôi muốn đăng ký mua chứng chỉ quỹ như sau** *(I request to subscribe for the Fund certificates as follows)*		
	Tên Quỹ *(Fund name)*:	**Tên viết tắt của quỹ** *(Fund Code)*	**Giá trị đăng ký mua bằng số*** (Subscription amount in number/Redemption amount in number)
	Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	ABBF	VNĐ
	Giá trị đăng ký mua bằng chữ*: *(Subscription amount in written amount)*		
4	**Ngày đăng ký giao dịch** *(Registered trading day)*:		
5	**Trong trường hợp lệnh giao dịch đến sau thời gian chốt sổ lệnh, ABF sẽ chuyển lệnh giao dịch này vào ngày giao dịch kế tiếp gần nhất** *(In case arriving after the cut-off time, this trading order shall be transferred to the next trading day)*: ☐ **Đồng ý** *(Agree)* ☐ **Không Đồng ý** *(Disagree)*		
6	**Đăng ký dịch vụ SIP** ☐ *(Register for SIP)*	Số tiền đăng ký mua hàng tháng: VNĐ *(Monthly buying registered)*	
7	**Tôi cam kết đã tìm hiểu rõ Bản cáo bạch và Điều lệ các quỹ do ABF quản lý cũng như các rủi ro của việc đầu tư vào Quỹ.** *I thoroughly scrutinized the Prospectus and the Fund Charter of Funds managed by ABF as well as risks associated to investment in the Fund.*		

Chữ ký *(Signatures)*

Nhà đầu tư *(Investor)*	**Người được ủy quyền** *(Authorizedperson)*
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ *Signature with full name and sealed*)	(Ký, ghi rõ họ tên/*Signature with full name*)
Ngày *(date)*:	**Ngày** *(date)*:

Hướng dẫn thực hiện lệnh mua	*Instruction for Subscription order*
1. Nhà đầu tư chuyển tiền tới tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát với nội dung: [Tên NĐT]_[SỐTK giao dịch CCQ]_Dang ky mua-Ten Quy	1. Investor transfers payment to Fund's account at Supervisory bank with the following note: [Investor's name]_[Fund certificate trading account's numberl-Reguest to subscribe_fund's name
2. Nhà đầu tư nộp phiếu đăng ký mua tại Đại lý Phân phối trước 12h ngày trước ngày giao dịch (T-1)	2. Investor submits Subscription form at Distribution agent's location before 12h of the day prior to the trading day (T-1)
3. Giá trị tài sản ròng trên mỗi CCQ được xác định vào ngày giao dịch (T)	3. NAV per fund unit is defined on trading date (T)
4. Xác nhận giao dịch sẽ được Đại lý Phân phối gửi tới Nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3)	4. Distribution agent shall send confirmation of transaction to Investor within three (03) working days from the trading day (T+3)

PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI *(For Distribution agent's)*

Số thứ tự lệnh:

(Order number)

Nhân viên nhận lệnh *(Receiver)*

(Ký, ghi rõ họ tên/ *Signature with full name*)

Thời điểm nhận lệnh:

(Order-receiving time)

Số chứng từ:

(Transaction number)

Cán bộ quản lý *(Supervisor)*

(Ký, ghi rõ

họ tên/ *Signature with full name*)

Đại diện có thẩm quyền của ĐLPP

(Representative of the Distribution agent)

(ký, ghi rõ họ tên/ *Signature with full name*)

GIẤY ĐĂNG KÝ BÁN
REDEMPTION FORM

Phần cho Nhà đầu tư *(For Investor)*			
Thông tin về Nhà đầu tư *(Investor's information)*			
1	**Tên Nhà đầu tư*:** *(Investor's name)*		
	Số CMT/Hộ chiếu*: *(ID/Passport)*	**Ngày cấp*:** *(Issuing date)*	**Nơi cấp*:** *(Issuing place)*
	Số tài khoản giao dịch CCQ: *(Fund certificate account number)*		
Thông tin người được ủy quyền đặt lệnh *(Authorizedperson to place trading orders information)*			
2	**Người được ủy quyền đặt lệnh:** *(Authorizedperson to place the order)*		
	Số CMT/Hộ chiếu*: *(ID/Passport)*	**Ngày cấp*:** *(Issuing date)*	**Nơi cấp*:** *(Issuing place)*
3	**Tôi muốn đăng ký bán chứng chỉ quỹ như sau** *(I request to subscribe for the Fund certificates as follows)*		
	Tên Quỹ *(Fund name)*:	**Tên viết tắt của quỹ** *(Fund Code)*	**Số lượng CCQ đăng ký bán bằng số*** *(Number of fund certificates to redeem in number)*
	Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	ABBF	CCQ
	Số lượng CCQ đăng ký bán bằng chữ*: *(Number of fund certificates to redeem in written amount)*		
4	**Ngày đăng ký giao dịch** *(Registered trading day)*:		
5	**Trong trường hợp lệnh giao dịch đến sau thời gian chốt sổ lệnh, ABF sẽ chuyển lệnh giao dịch này vào ngày giao dịch kế tiếp gần nhất** *(In case arriving after the cut-off time, this trading order shall be transferred to the next trading day)*: ☐ **Đồng ý** *(Agree)* ☐ **Không Đồng ý** *(Disagree)*		
6	**Tôi cam kết đã tìm hiểu rõ Bản cáo bạch và Điều lệ các quỹ do ABF quản lý cũng như các rủi ro của việc đầu tư vào Quỹ.** *I thoroughly scrutinized the Prospectus and the Fund Charter of Funds managed by ABF as well as risks associated to investment in the Fund.*		

Chữ ký *(Signatures)*

Nhà đầu tư *(Investor)*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ *Signature with full name and sealed*)

Người được ủy quyền *(Authorizedperson)*

(Ký, ghi rõ họ tên/*Signature with full name*)

Ngày *(date)*:

Ngày *(date)*:

Hướng dẫn thực hiện lệnh bán	*Instruction for Redemption order*
1. Nhà đầu tư có thể đăng ký bán số lượng Chứng chỉ Quỹ bán ra tới 02 chữ số đằng sau dấu phẩy	1. Investor can register to redeem the number of Fund certificates to the second decimal place
2. Nhà đầu tư nộp phiếu đăng ký bán tại Đại lý Phân phối trước 12h ngày trước ngày giao dịch (T-1)	2. Investor submits Redemption form at Distribution agent before 12h of the day prior to the trading day (T-1)
3. Trong một số trường hợp (chi tiết tại Điều lệ Quỹ), lệnh bán có thể chỉ được đáp ứng một phần	3. In cases that stipulated in the Fund Charter, redemption order may only be satisfied in part in some specific cases
4. Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền thanh toán từ lệnh bán trong 07 ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ (ngày T)	4. Investor shall receive the payment from such redemption order within seven (07) days from the Fund certificates trading day (day T)

PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI *(For Distribution agent's)*

Số thứ tự lệnh:

(Order number)

Nhân viên nhận lệnh *(Receiver)*

(Ký, ghi rõ họ tên/ *Signature with full name*)

Thời điểm nhận lệnh:

(Order-receiving time)

Số chứng từ:

(Transaction number)

Cán bộ quản lý *(Supervisor)* (Ký, ghi rõ họ tên/ *Signature with full name*)	**Đại diện có thẩm quyền của ĐLPP** *(Representative of the Distribution agent)* (ký, ghi rõ họ tên/ *Signature with full name*)

PHỤ LỤC 4: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ